

Truyện thuyết



HÙNG VƯƠNG

THẦN THOẠI VÙNG ĐẤT TỎ

VŨ KIM BIÊN

Sưu tầm và biên soạn



SỞ VĂN HOÁ THÔNG TIN PHÚ THỌ

XUẤT BẢN NĂM 2008



Tổ vương tứ phúc
(Vua Hùng ban phúc)

TRUYỀN THUYẾT HÙNG VƯƠNG THẦN THOẠI VÙNG ĐẤT TỔ

THE LEGEND OF KING HUNG
THE FAT HER LEND PEOPLES MYTH

VŨ KIM BIÊN
Sưu tầm và biên soạn

IN LẦN THỨ 14

SỞ VĂN HOÁ THÔNG TIN PHÚ THỌ
XUẤT BẢN NĂM 2008

TÁC GIẢ GIỮ BẢN QUYỀN

Điện thoại (0210) 840 248

32 TRUYỆN CỔ TÍCH ĐẶC SẮC CỦA VÙNG ĐẤT TỔ

GỒM:

- 22 TRUYỆN THUỘC THỜI HÙNG VƯƠNG
- 10 TRUYỆN THUỘC CÁC THỜI KỲ SAU,
TỪ THẾ KỶ 2 TCN ĐẾN TRIỀU NHÀ NGUYỄN

* Tỉnh Vĩnh Phú chính là bộ Văn lang thời Hùng Vương. Mặc dầu hiện nay Vĩnh Phú đã tách thành hai tỉnh Phú Thọ và Vĩnh Phúc, nhưng cả hai tỉnh trước năm 1903 (Pháp hoạch định) trở về thời Vua Hùng, luôn luôn là một địa bàn thống nhất.

Vì là truyền thuyết vùng Đất Tổ, nên không gian gồm cả địa bàn Phú Thọ và Vĩnh Phúc

LỜI GIỚI THIỆU

Năm 1991 Sở văn hoá thông tin thể thao Vĩnh Phú xuất bản cuốn “Truyện thuyết Hùng Vương thần thoại Vĩnh Phú” của tác giả Vũ Kim Biên. Dịp giỗ tổ năm nay, Sở VH-TT Phú Thọ tái bản cuốn sách này, sau khi tác giả đã sưu tầm nghiên cứu bổ sung tài liệu, nhuận sắc các câu truyện trước và soạn thêm 2 truyện nữa và đặt lại tên sách là : “Truyện thuyết Hùng Vương, Thần thoại vùng đất Tổ”. Cụ thể là: sách cũ gồm 22 truyện thời Hùng Vương và 8 truyện của các thời đại sau. Sách này đã nâng lên 23 truyện thời Hùng Vương và 9 truyện thuộc các thời kỳ, từ thế kỷ II trước công nguyên đến Triều nhà Nguyễn. Đó là những truyện thuyết tiêu biểu trong kho tàng cổ tích vùng đất Tổ. Trong số này chỉ có 9 truyện là tả chân: Dạy dân cấy lúa, Chim bạch trĩ, Bánh dày bánh chưng, Củ khoai lang, Dưa chua mật mía, Dạy dân săn lưới, Bắt trâu kéo cày, Cột đá thể, Dưa hấu. Còn lại đều có tính chất ly kỳ thần thoại. Song các chi tiết ly kỳ thần thoại đó lại rất gần với sự thật lịch sử. Phải chăng người xưa ưa thích thần thoại là loại hình văn nghệ có tính thẩm mỹ cao, nên đã lấy lịch

sử sáng tác thành thân thoại để dễ ghi nhớ lưu truyền; nhất là trong điều kiện chữ viết chưa phổ biến.

Qua những truyện này, bạn đọc sẽ được hưởng nhiều dư vị văn học dân gian cổ, đồng thời còn có thể tìm thấy bóng dáng của xã hội trên những chặng đường tổ tiên ta đã đi qua. Tập truyện đã thể hiện sự cố gắng lớn của tác giả về sưu tầm nghiên cứu bề rộng cũng như chiều sâu, công phu sắp xếp trình bày, gọt rũa văn chương khi biên soạn. Đây là món quà lưu niệm nhiều hương vị gửi tới đồng bào khi về thăm đất tổ Hùng Vương.

Sở văn hoá Thông tin Phú Thọ xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc

SỞ VĂN HOÁ THÔNG TIN PHÚ THỌ

PHẦN I

TRUYỀN THUYẾT HÙNG VƯƠNG

TRUYỆN THỨ NHẤT

HỌ HỒNG BÀNG

Tục truyền rằng vua đầu nước ta hiệu Kinh Dương Vương và vua đầu Bắc quốc hiệu Đế Nghi là hai anh em, con ngài Đế Minh, cháu 3 đời Viêm Đế Thần Nông. Viêm Đế Thần Nông là vị thần coi về trồng trọt ngũ cốc cho loài người.

Một hôm Ngọc Hoàng thượng đế trông xuống cõi trời Nam, thấy trên mặt đất phần lớn là hoa quả, ít ngũ cốc, mới bảo Thần Nông rằng:

- Ta sắc chỉ sai nhà ngươi xuống trần gian giúp cho giống người da vàng trồng lúa làm lương ăn.

Thần Nông bèn hội họp con cháu kể lại sắc chỉ của Ngọc Hoàng. Đế Minh là cháu ba đời nói rằng:

- Công việc mùa màng ở hạ giới rất vất vả. Vậy cháu xin đi thay.

Thần Nông khen Đế Minh là hiếu thảo, đưa cho hai hạt thóc, một để ăn, một để làm giống đem đi.

Đế Minh và vợ đắp mây lành xuống ở núi Nghĩa Lĩnh. Hàng ngày hai vợ chồng cấy một hạt thóc lấy bột gạo ăn, còn chiếc vỏ trấu để lại, sau dân thờ làm trấu thần.

Lại nói việc dạy dân trồng lúa. Vùng cao thì ông bà

dạy họ phát nương đốt trà, chọc lỗ tra hạt(đào canh) ,vùng thấp thì đơm nước sông rút cạn, ruộng bãi đã thối ngấu cây cỏ, lấy trang cào mà đẩy cho sục bùn, đều phẳng, rồi gieo giống(thủy nậu). Lại dạy dân bỏ gạo vào ống tre đốt làm cơm mà ăn, bắt tôm cá làm mắm, dùng gừng giềng làm gia vị, chưng cốt gạo lấy rượu uống; bắc gỗ làm nhà sàn để tránh hổ sói; cưới xin thì lấy gót đất làm đầu, giết trâu dê làm đồ lễ, nấu cơm nếp nhập phòng cùng ăn, sau đó mới thành thân. Để con ra lấy lá chuối lót cho nằm. Khi có người chết thì già coi làm hiệu để bản làng đến cứu giúp.

Đế Minh sinh được hai con trai, anh là Lộc Tục em là Lộc Linh. Một hôm có sứ của Ngọc Hoàng xuống triệu Đế Minh về trời. Ông gọi hai con đến bảo:

- Ngọc Hoàng sai ta xuống hạ giới có kỳ hạn, nay đã làm xong việc . Trước khi về Trời ta phong cho Lộc Tục cai quản Phương Bắc. Lộc Linh cai quản phương Nam.

Lộc Tục cố nhường em Phương Bắc, còn mình ở Phương Nam. Đế Minh nghĩ “Lộc Tục thông minh hơn cho đất rộng hơn, chẳng ngờ lại từ tạ”, bất đắc dĩ cũng bằng lòng.

Lộc Linh nhận Phương Bắc xưng là Đế Nghi.

Lộc Tục nhận Phương Nam xưng là Kinh Dương Vương. Kinh Dương Vương có tài đi lại dưới nước, gặp Thần Long Nữ con gái vua Động Đình Hồ nhan sắc đẹp tươi, bèn lấy làm vợ. Thần Long Nữ sinh ra một người con trai mình đầy vẩy rồng, đặt tên là Sùng Lãm . Sùng Lãm nối ngôi cha xưng hiệu là Lạc Long Quân.

Lạc Long Quân đi tuần thú tới động Lăng Xương

gặp tiên nữ Âu Cơ hái dâu bên bờ sông Đà bèn lấy làm vợ đưa về ở núi Nghĩa Lĩnh. Âu Cơ có mang ba năm ba tháng mười ngày, đến giờ Ngọ ngày 25 tháng chạp năm Giáp tý chuyển dạ sinh ra một bọc trăm trứng. Hôm ấy trời xanh nắng ấm, mây lành ấp núi, hương thơm ngan ngát đầy phòng .

Long Quân cho triệu triệu thần đến lập đàn tế cáo trời đất. Các loài sơn cầm thủy tộc đều đến châu mừng. Ngày 15 tháng giêng năm Ất Sửu trăm quả trứng nở thành trăm con trai. Những người con này không bú mớm, chỉ ăn hoa quả, không nói năng, mỗi ngày cười 3 lần. Bỗng một hôm tất cả đều hô vang “Trời sinh vua trị nước, thiên hạ thái bình”. Vợ chồng Âu Cơ rất mừng rỡ, nhưng không biết làm thế nào để phân biệt được đàn con đông đúc ấy, bèn đem lễ vật mời ông Tiên ngồi câu cá ở bến Việt Trì lên đặt tên cho từng người. Tiên ông đặt tên cho người con cả là Lân Lang, chín mươi chín người em cũng đều gọi là Lang như Xích Lang , Quỳnh Lang , Mật Lang...

Long Quân bảo Âu Cơ rằng :

“- Ta là giống Rồng đứng đầu thủy tộc. Nàng là giống Tiên sống ở trên núi. Tuy khí âm dương hợp lại mà sinh ra con, nhưng thủy hỏa tương khắc khó ở lâu với nhau được, nay phải chia ly, ta đem 50 người con về miền bể chia trị các xứ, cho 50 con theo nàng lên núi, chia nước mà trị. Lên núi xuống bể hữu xứ báo cho nhau biết, đừng quên”. Trước khi đi, Long Quân phong cho người con trưởng làm vua và bảo các con rằng: “Giống sơn nam và giống thủy tộc thường ghét nhau. Hãy lấy mực sấm mình cho giống giao long thì lợi

xuống nước mới không bị hại”. Lại dặn khi nào có nguy cấp thì gọi to: “Bố ơi về cứu con. Ta sẽ đến ngay”

Lăn Lang bèn xưng là Hùng Quốc Vương, đóng đô ở Việt Trì, đặt tên nước là Văn Lang, chia làm 15 bộ sai các em đi trấn giữ. Kể từ đây các đời vua nối đều lấy hiệu là Hùng Vương, truyền được 18 đời. (Đầu là Kinh Dương Vương, cuối cùng là Hùng Duệ Vương).

TRUYỆN THỨ HAI

DẠY DÂN CẤY LÚA

Theo sách Lĩnh Nam trích quái (thế kỷ 15) thì: “Đức Lạc Long Quân, dạy dân việc cày cấy nông tang, đặt ra các đẳng quân thần tôn ti, các đạo cha con vợ chồng. Ngài nhận thấy cách trồng lúa của dân thu hoạch chẳng được là bao nhiêu. Cứ đợi đến tháng mười nước sông ngòi cạn, phơi ra những dải phù sa còn ướt, họ mới đem thóc giống ra quãi. Cây lúa mọc lên chen chúc, cỏ cũng mọc theo. Đến khi lúa chín mang về lẫn cả cỏ, nhiều bông lép hạt. Lại có những thửa ruộng, những cánh đồng rộng lớn ngâm nước, không cạn hẳn được để mà gieo giống. Ngài nghĩ ra cách lấy cây lúa non cấy xuống ruộng nước. Thấy có kết quả tốt Ngài bèn tổ chức dạy cho dân làm theo. Nhưng Ngài sớm chia tay với vợ là Âu Cơ để về thủy phủ. Vì vậy cách làm ruộng do ngài dạy cho dân chưa sâu rộng. Đến đời các vua Hùng tiếp tục công việc đó. Nhà vua vốn giữ

lại một xứ đồng ở kinh đô để tự làm, gọi là Đồng Lú (nay thuộc xã Minh Nông Việt Trì). Vua dùng luôn Đồng Lú là nơi dạy dân gieo mạ, cấy lúa xuống ruộng nước. Cách làm này thích hợp với đồng đất của ta, là đại đồng chiêm. Nhờ vậy mà thóc ăn sung túc no nê. Riêng thóc thu được của nhà vua ở Đồng Lú cũng nhiều. Cảnh Đồng Lú vua cho lập kho chứa thóc ở Nông Trang, chất rơm ở Đồi Rôm, dựng chuồng trâu ở đồi Phên Dù, mở chợ mua bán thóc gạo gọi là chợ Lú. (lúa).

Nhân dân ta nhớ công ơn họ Hồng Bàng khai sáng ra nghề trồng lúa nước nên tôn các ngài làm Thần Nông. Thời phong kiến viết ngọc Phả 18 đời vua Hùng, nói vua đầu là cháu ba đời Viêm Đế Thần Nông (vị Thần nông nghiệp)

Nhân dân làng Lú (Minh Nông) lập đàn thờ tại doi đất vua ngồi thị sát dân làm và nghỉ ăn cơm trưa, gọi là đàn Thần Nông Thị (Đàn thờ họ Thần Nông).

Ngày 1-11 âm lịch hàng năm, các bộ lão đem lễ vật ra Đàn Thần Nông tế lễ. Tế xong ông chủ tế đóng giả vua Hùng được che lọng lội xuống thửa ruộng đã bừa sẵn cạnh đàn, cấy một cái mạ. Cấy xong lên bờ, đến lượt dân đem mạ xuống ruộng cấy theo. Có cử nhạc bát âm và cho trẻ con té nước. Đó là hèm cầu "Vua Hùng dạy dân cấy lúa".

lại một xứ đồng ở kinh đô để tự làm, gọi là Đồng Lú (nay thuộc xã Minh Nông Việt Trì). Vua dùng luôn Đồng Lú là nơi dạy dân gieo mạ, cấy lúa xuống ruộng nước. Cách làm này thích hợp với đồng đất của ta, là đại đồng chiêm. Nhờ vậy mà thóc ăn sung túc no nê. Riêng thóc thu được của nhà vua ở Đồng Lú cũng nhiều. Cảnh Đồng Lú vua cho lập kho chứa thóc ở Nông Trang, chất rơm ở Đồi Rôm, dựng chuồng trâu ở đồi Phên Dù, mở chợ mua bán thóc gạo gọi là chợ Lú. (lúa).

Nhân dân ta nhớ công ơn họ Hồng Bàng khai sáng ra nghề trồng lúa nước nên tôn các ngài làm Thần Nông. Thời phong kiến viết ngọc Phả 18 đời vua Hùng, nói vua đầu là cháu ba đời Viêm Đế Thần Nông (vị Thần nông nghiệp)

Nhân dân làng Lú (Minh Nông) lập đàn thờ tại doi đất vua ngồi thị sát dân làm và nghỉ ăn cơm trưa, gọi là đàn Thần Nông Thị (Đàn thờ họ Thần Nông).

Ngày 1-11 âm lịch hàng năm,các bô lão đem lễ vật ra Đàn Thần Nông tế lễ. Tế xong ông chủ tế đóng giả vua Hùng được che lọng lội xuống thửa ruộng đã bừa sẵn cạnh đàn, cấy một cái mạ. Cấy xong lên bờ, đến lượt dân đem mạ xuống ruộng cấy theo. Có cử nhạc bát âm và cho trẻ con té nước. Đó là hèm cầu“Vua Hùng dạy dân cấy lúa”.

TRUYỆN THỨ BA

TIÊN NỮ VỀ TRỜI

Âu Cơ vốn là một nàng Tiên chuyên về trồng dâu nuôi tằm dệt vải cho Trời. Nhân tiết đầu xuân nàng du chơi, nhìn xuống hạ giới thấy bãi dâu bát ngát ở động Lăng Xương bên bờ sông Đà xanh tốt đẹp tươi, bèn bay xuống thưởng ngoạn. Hôm ấy là ngày mồng 7 tháng giêng ta.

Bất ngờ trong giữa bãi dâu hiện ra một chàng trai đạo mạo phương phi, xưng là Lạc Long Quân vốn thuộc giống Rồng, làm vua nước Văn Lang. Nhà vua đi tuần thú khai xuân, trông thấy Tiên sa mới đến đây chờ đợi.

Hai người gặp nhau chào hỏi, rồi chuyện trò vui vẻ đàm thắm từ sáng đến trưa, không thiết ăn uống. Long Quân ngỏ lời cầu hôn Âu Cơ. Nàng nói:

- Chàng là giống Rồng thiếp là nòi Tiên, thủy hỏa tương khắc, lấy nhau thế nào được !

Long Quân nói:

- Tuy thủy hỏa tương khắc đấy, nhưng âm dương vẫn hoà hợp mà sinh con được. Chỉ tiếc là không thể ở lâu dài với nhau thôi.

Âu Cơ nói:

- Nếu sau một thời gian ngắn sống với chàng thiếp lại về Trời, thế thì cũng được.

Long Quân đưa Âu Cơ về núi Nghĩa Lĩnh, sinh ra một bọc trăm trứng nở thành trăm con trai. Khi các

con đã lớn khôn, Long Quân bảo:

- Bây giờ đã đến lúc Tiên Rồng chúng ta phải chia tay, ta về miền biển cả còn nàng lên miền núi non, mỗi người đem theo một nửa số con, phong cho Lân Lang là con cả ở lại làm vua.

Âu Cơ dẫn con đi ngược sông Thao, đến trang Hiền Lương thấy phong cảnh hữu tình mới dừng chân nghỉ ngơi. Hàng ngày Mẫu để ý thấy dân cư sáng thì đi phát rẫy làm nương, chiều thì xuống đồng nước mò cua cá, đoi rách, mới ở lại giúp đỡ họ. Và Mẫu sai các con đi tiếp khai khẩn các vùng xa xôi.

Mẫu dạy dân trang Hiền Lương cấy lúa trồng dâu nuôi tằm dệt vải, bồi đắp đường xá, bắc cầu qua khe suối đi lại thuận tiện, đào giếng Loan, giếng Phượng lấy nước sạch ăn uống. Chừng mọi nhà đã biết làm ăn thành thạo trở nên ấm no khá giả rồi. Mẫu mới quyết định bay về Trời. Để tránh khó khăn lúc chia tay, Mẫu nhờ Thần thánh làm ra mưa to gió lớn lúc nửa đêm ngày 25 tháng chạp ta, rồi đằng vân. Mẫu vội vàng đến nổi đánh rơi dải yếm, vương vào ngọn đa cổ thụ cạnh giếng Loan và giếng Phượng.

Sáng hôm sau, dân trang không thấy Mẫu đâu nữa, rất lo lắng bỏ đi tìm. Gần trưa mọi người mới nhìn lên lùm đa thấy có dải yếm vắt ngang, họ hiểu ra là Mẫu đã về Trời. Dân trang liền lập đền thờ Mẫu ngay dưới tán đa, định lệ cầu cúng một năm hai lần vào ngày Tiên giáng mồng 7 tháng giêng và ngày Tiên thăng 25 tháng chạp ta.

Đến thời phong kiến dân làng bàn bạc lấy ngày mồng 7 tháng giêng cầu tiệc chính và mở hội lớn, tế

bái toàn đồ chay. Dùng tới mười mấy thúng gạo nếp và mấy thùng mật làm bánh ngọt, cầu xong chia cho toàn dân mỗi người được một chiếc dài bằng ngón tay, to bằng cổ tay. Hèm cầu là treo dải lụa đào lên ngọn đuốc thả xuống đến nóc đền, tượng trưng cho dải yếm của Mẫu rút lại lúc bay về Trời.

TRUYỆN THỨ BỐN

CHIM BẠCH TRĨ

Vào đời Vua Thành Vương nhà Chu (1024-1005 TCN), Hùng Vương sai bề tôi là họ Việt Thường đem chim bạch trĩ sang tiến cống. Vì ngôn ngữ bất đồng, Chu Công phải sai sứ sang nhiều lần dịch mới hiểu nhau được. Chu Công hỏi: “Tại sao tới đây”. Họ Việt Thường đáp: “Đời nay không có mưa dầm, gió dữ, ngoài bể không nổi sóng lớn đã ba năm nay, ý chừng là Trung Quốc có thánh nhân xuất thế, nhân vậy tới đây”. Chu Công than rằng: “Chính lệnh không thi hành đến, thì người quân tử không bắt được người khác thần phục mình. Đức trạch không mở rộng tới, thì người quân tử không được hưởng lễ của người ta”. Còn nhớ Hoàng Đế có câu thể rằng : “Phương Việt Thường không thể xâm phạm được”. Bèn ban thưởng cho phẩm vật mà cho về. E họ Việt Thường quên đường về, Chu Công bèn ban cho năm cỗ biển xa đều chế cho

hướng về phương nam. Họ Việt Thường nhận lấy, rồi theo đường biển Phù Nam, Lâm Ấp đi một năm thì về tới nước. Đó là nhờ có xe chỉ nam đi trước dẫn đường. Về sau Khổng Tử viết kinh Xuân thu cho nước Văn Lang là một nơi hoang vu, văn vật chưa có, nên bỏ trống mà không chép.

Theo bản cũ, thì Chu Công có hỏi: “Người Giao chỉ cắt tóc ngắn, xăm mình, để đầu trần, đi chân đất, nhuộm răng đen là có làm sao”. Đáp: “Cắt tóc ngắn để tiện đi trong rừng rú. Xăm mình để giống hình Long Quân bơi lội dưới sông loài thủy tộc không phạm tới. Đi chân đất để tiện leo cây. Cày bằng dao trồng bằng lửa. Bỏ đầu trần để tránh lửa bén. Ăn trâu cau để trừ ô uế cho nên răng đen như vậy”.

(Theo sách trích Lĩnh nam trích quái -TK 15)

TRUYỆN THỨ NĂM

NỮ THẦN NÚI TAM ĐẢO

Vua Hùng thứ bảy húy là Lang Liêu, hoàng hậu là nữ thần núi Tam Đảo húy là Năng Tiều.

Nữ thần nguyên là một nàng tiên trong bày tiên xuống chơi cảnh đẹp trên đỉnh núi. Nàng mãi xem chàng trai trẻ đẹp sẵn đuổi thú rừng, quên mất chị em. Chiều tà chàng cưỡi ngựa ra về, nàng mới sức nhớ đi tìm bày từ vườn Tiên Uyển đến cầu Đại Tuyết, am Dương Phong, thang Bộ Vân đến mỏm Tây Thiên đều

không thấy. Nhìn lên chín tầng mây mịt mù không biết cổng trời ở phương nào. Nàng khóc thút thít, mệt mỏi nằm trên vông rễ cây ngủ thiếp.

Sáng hôm sau ngủ dậy thấy trước mặt chất đầy hoa quả chín thơm ngào ngạt, các loài sơn cầm dã thú lượn múa xung quanh như vui mừng chủ mới. Nàng nhìn xuống đồng bằng làng mạc thấy lửa cháy, dân cư náo động, binh khí chạm nhau xoang xoảng, biết là có giặc đến. Nàng vẫy con hổ vàng đang phủ phục chầu hầu nhảy lên lưng cưỡi, xông ra nhặt đá ném lui giặc cứu dân. Giặc tan nàng trở về núi đợi bấy càng mong càng ắng lặng.

Một buổi trưa nàng xoắn tóc ra cuốn lại, chợt nhìn chiếc trâm thì thấy không phải của mình. Nhìn kỹ thấy có dòng chữ “ở lại hạ giới làm vợ hoàng tử Lang Liêu”, nàng mới vỡ lẽ là Ngọc Hoàng thượng đế đã sai bảy tiên đưa mình xuống núi Tam Đảo lừa bỏ lại.

Nàng đang dạo chơi giải buồn thì chàng trai săn thú dạo nào chợt đến cúi chào. Nàng hỏi:

- Chàng là ai vậy?

- Tôi là Lang Liêu con vua Hùng thứ sáu. Còn nàng, xin cho biết họ tên?

Nghe tên Lang Liêu con Vua Hùng, nàng vô cùng hồi hộp. Lúc sau mới thưa rằng:

- Thiếp là Nàng tiên ở núi này.

Vì nàng nói tiếng hạ giới chưa thạo lắm nên Lang Liêu nghe tưởng là Năng Tiêu. Chàng hỏi:

- Năng Tiêu có phải là thần nữ núi này không?

- Chàng nói gì?

- Ta hỏi nàng có phải thần nữ núi này không?

Bởi vì lần trước ta đi săn gặp nàng, về nhà nằm mơ thấy mẹ ta, thuật lại cho mẹ ta nghe, mẹ ta bảo “Đấy là nàng tiên thứ 7, Thượng đế sai xuống làm nữ thần núi Tam Đảo, cũng là vợ của con”.

Nghe kể nàng càng tin số trời đã định.

- Sao chàng nói nằm mơ thấy mẹ ?

- Mẹ ta mất đã hai mùa lúa.

- Chàng có bao nhiêu anh em?

- Anh em ta nhiều lắm, ba mươi ba trai, mười chín gái

-Thưa chàng. Ba mươi ba hoàng tử thì ai thích nghề làm ruộng.

- Có lẽ chỉ mình ta yêu thích công việc chân lấm tay bùn ấy. Lòng ta lúc nào cũng nghĩ về hạt thóc vàng.

Năng Tiêu kể cho Lang Liêu nghe rằng:

- Thiếp là con gái Thần Võ Nghệ, do phạm lỗi ném rơi mất mấy vì sao, phải sung vào bầy tiên chăm sóc vườn đào. Một hôm Ngọc Hoàng ra hóng mát ở Cổng trời, các tiên nữ cũng theo hầu. Ngài nhìn thấy ở hạ giới có một người con trai đang chăm chỉ nhặt cỏ lúa trên cánh đồng vắng vẻ. Ngài ban lời khen ngợi. Viêm Đế Thần Nông đứng hầu bên cạnh tâu rằng: “Đó là Lang Liêu con Hùng Vương, cháu 10 đời của thần rất siêng năng hiếu thảo”. Ngọc Hoàng thương cảm mới bảo sẽ cho một tiên nữ xuống làm vợ chàng. Nghe vậy các nàng tiên đều quì xin đừng bắt họ rời cảnh bồng lai. Riêng thiếp chưa tiện nói ra thì Viêm Đế Thần Nông đã nhận luôn làm cháu dâu, rồi mật tâu với Ngọc Hoàng. Vì vậy Ngọc Hoàng sai các thần lập kế dẫn bầy tiên đi chơi, đưa thiếp xuống đây lừa bỏ lại.

Nàng rút chiếc trâm cài đầu đưa cho chàng xem, họ đã đánh tráo lúc gọi đầu ở Suối Bạc. Lang Liêu đọc xong dòng chữ liền áp chặt chiếc trâm vào ngực, dẫn nàng xuống núi, mời lên ngựa cùng về.

TRUYỆN THỨ SÁU

THÁNH GIÓNG

Về đời Hùng Vương thứ sáu, nước ta bị giặc Ân xâm phạm. Thế giặc đang hăng, quân ta phải rút lui về giữ Vũ Ninh (nay là Hà Bắc).

Vua Hùng lo sợ mới lên núi Nghĩa Lĩnh lập đàn tế cáo trời đất xin Nhà Trời cho người xuống cứu. Bỗng từ trên mây xanh có một tiên ông cưỡi trên lưng con rồng vàng, ngó xuống bảo nhà vua:

- Ta là Long Quân, tổ của nhà ngươi đây. Ta đã sai hịch nữ báo cho ngươi cách đây 3 năm rồi, mà ngươi không tu tỉnh để đến nỗi này. Bây giờ muốn thoát nạn ấy thì phải hô hào cả nước cùng đánh.

Nói rồi biến mất luôn.

Hùng Vương về triều, trước tiên sai Lạc hầu đem lễ đến nhà ngục mời hịch nữ vào cung để nhà vua tạ lỗi. Vị Lạc hầu mở cửa ngục, thì không thấy hịch nữ đâu nữa. Ông kinh ngạc đành quay về báo với nhà vua. Vua càng lấy làm lạ, trong lòng lo sợ. Bỗng lính canh vào tâu có hịch nữ đứng đợi ngoài cổng thành, muốn gặp nhà vua. Vua mừng rỡ sai đón vào ngay, xin lỗi. Hịch

nữ nói:

- Lần trước ta đến báo cho nhà Vua biết có giặc phương xa nhòm ngó. Dân thì quen sống thái bình, vua thì mãi vui chơi. Nếu mà không phòng bị thì chỉ 3 năm nữa mất nước. Nhà vua bảo ta là nói năng nhảm nhí, gây rối lòng người bắt giam ta. Nay đúng 3 năm rồi đấy, thấy thế nào?

Nhà vua nói:

- Tôi không biết Đức Long Quân sai ngài đến dạy bảo. Đã thấy lỗi lầm. Xin chỉ cho phép chế thắng giặc Ân.

Hịch nữ nói:

- Thì Đức Long Quân đã bảo rồi, còn hỏi gì nữa. Hùng Vương tỉnh ngộ, bèn hạ lệnh cho 33 hoàng tử đều phải cầm binh khí ra thẳng trận tiền. Cho ngựa lưu tinh đi thúc giục các tù trưởng đem dân binh đi trợ chiến. Lại sai sứ giả đi rao, mời người tài ra giúp nước.

Thuở ấy ở làng Gióng hương Phù Đổng đất Tiên Du có một người đàn bà dẫm phải vết chân thần linh in trên ruộng cà, thụ thai sinh ra một người con trai. Bà mẹ bận việc đồng áng, đặt con vào chiếc chõng treo trên xà nhà. Suốt ba năm cậu bé chẳng biết nói cười, chẳng biết đi, ăn xong nằm ngủ li bì trên chõng.

Khi nghe thấy tiếng sứ nhà vua rao cầu người tài ra giúp nước, cậu bé nhảy xuống đất vươn thành người cao lớn, giục mẹ ra mời sứ vào nhà, bảo với sứ giả:

- Rèn cho ta ngựa sắt cao mười thước, roi sắt dài mười thước, nón sắt rộng ba thước để ta ra trận giết giặc.

Sứ đi khỏi cậu đòi mẹ cho ăn. Cậu ăn khỏe quá,

mỗi bữa bảy nong cơm ba nong cà mới đủ no. Thấy vậy cả làng bảo nhau đem gạo, cà đến góp.

Vua Hùng sai sứ đem đồ sắt đến, cậu cáo từ mẹ và dân làng, nhảy lên ngựa phi thẳng đến chỗ giặc Ân. Người làng đang làm lụng ngoài đồng cũng chạy theo giúp sức. Người thì cầm dao, người thì vác cuốc, vác vồ đập đất, có người cầm theo cả cần câu chạy theo chân ngựa. Ngựa sắt phun lửa đốt, roi sắt quất xuống đầu giặc tới tấp. Roi sắt gãy cậu nhổ gốc tre mà vụt, tướng giặc Thạch Linh bị giết, tàn quân Ân chạy đến núi Châu Sơn thì tan rã hết. Cậu bé quay ngựa về núi Sóc Sơn cởi nón áo để lại gốc cây bạch đàn, rồi phi ngựa bay thẳng lên trời.

Vua Hùng biết cậu bé là tướng nhà Trời xuống giúp, phong là Phù Đổng Thiên Vương, sai lập miếu thờ tại làng quê. Ở Sóc Sơn cũng lập miếu thờ, dân gian gọi ngài là Thánh Gióng.

Vua làm điện 9 tầng ở trên núi Nghĩa Lĩnh để tạ ơn trời, gọi là Kính Thiên Lĩnh Điện.

Tục truyền rằng giống tre đằng ngà xuất tự làng Cháy Tiên Du màu vàng óng là do lửa ngựa sắt phun vào.

BÁNH DÂY , BÁNH CHUNG

Sau khi Hùng Vương phá được giặc Ân, nhân quốc gia vô sự , muốn truyền ngôi lại cho con bèn triệu hai mươi hai vị quan lang và công chúa (1) lại mà phán rằng: “Ta muốn truyền ngôi cho con nào làm ta vừa ý. Cuối năm nay mang trân cam mỹ vị đến để cúng tiến tiên vương, cho ta được tròn đạo hiếu, thì sẽ được ta truyền ngôi ”. Các con đều đua nhau đi tìm của ngon vật lạ khắp trên rừng dưới biển, nhiều không sao kể xiết. Duy có vị hoàng công tử thứ 18 là Lang Liêu, bà mẹ xưa vốn bị vua ghẻ lạnh, vì cô đơn mà chết. Tả hữu ít người giúp đỡ, khó xoay sở nên đêm ngày lo lắng mộng mị bất an. Một đêm kia mộng thấy có thần nhân tới mách rằng: “Các vật trên trời đất và mọi của quý của người ta không gì bằng gạo. Gạo có thể nuôi người khỏe mạnh, mà ăn không bao giờ chán, các vật khác không thể hơn được. Nay đem gạo nếp làm bánh cái hình vuông cái hình tròn để tượng trưng trời đất, rồi dùng lá bọc ngoài, ở trong cho mỹ vị để ngụ ý công đức sinh thành lớn lao của cha mẹ ”. Lang Liêu tỉnh dậy mừng rỡ mà nói rằng: “Thần nhân giúp ta vậy ”. Nói rồi bèn theo lời dặn trong mộng mà làm. Chọn thứ gạo nếp trắng tinh, hạt tròn và mẩy không bị vỡ, vo thật sạch, lấy lá xanh bọc thành hình vuông, cho nhân cam

(1) Theo Ngọc phả Đền Hùng thì vua Hùng thứ 6 có 33 con trai (quan lang) và 19 con gái (mỹ nương)

mỹ bị vào bên trong để tượng trưng cho trời đất vạn vật, rồi nấu chín. Lại lấy xôi giã cho nát nặn thành hình tròn tượng trưng cho trời gọi là bánh dầy.

Đến kỳ hẹn, vua vui vẻ truyền các con bày vật tiến lên. Xem qua khắp lượt thấy không thiếu thứ gì. Duy Lang Liêu chỉ tiến dâng bánh chưng và bánh dầy. Vua kinh ngạc hỏi, Lang Liêu đem giấc mộng thuật lại. Vua đem nếm, thấy ngon miệng không chán, hơn hẳn các thức của các con khác, tấm tắc khen hỏi lâu, rồi cho Lang Liêu được nhất. Đến ngày Tết vua thường lấy hai bánh này dâng cúng cha mẹ, thiên hạ bắt chước theo.

Vua bèn truyền ngôi cho Lang Liêu. Anh em hai mươi một người đều được chia giữ các phiên trấn. Về sau các tướng xảy ra chuyện tranh giành nhau, thường dựng mộc sáo (hàng rào bằng gỗ) để phòng bị. Cho nên từ đó mới có sáo, thôn, trang, phường.

(Theo sách Lĩnh Nam trích quái TK 15)

TRUYỆN THỨ TÁM

TRẦU - CAO

Thời Hùng Vương có một vị quan sức vóc cao lớn, nhà vua ban cho tên là Cao. Cao sinh hạ được hai người con trai, con cả tên là Tân, con thứ là Lang. Hai anh em giống nhau như đúc không thể phân biệt được. Đến năm 17,18 tuổi, cha mẹ đều từ trần. Hai anh em đến xin học đạo sĩ Lưu Huyền. Nhà Họ Lưu có người

con gái tên là Liên, tuổi cũng khoảng 16, 17. Hai anh em thấy nàng thì rất vừa ý, muốn kết làm vợ chồng. Nàng chưa biết người nào là anh, mới bày một chậu cháo và một đôi đũa; mời hai anh em cùng ăn. Người em nhường người anh ăn trước. Nàng về nói với cha mẹ xin làm vợ người anh.

Khi cùng ở với nhau, người anh thường nhặt nhèo với em. Người em tự lấy làm tủi hổ, cho rằng anh lấy vợ rồi thì quên mình. Bèn không cáo biệt mà bỏ đi về quê nhà. Đi đến giữa rừng, gặp một dòng suối sâu mà không có thuyền để qua. Chàng ta đau đớn khóc lóc mà chết, hóa thành cây mọc ở cửa sông. Người anh ở nhà không thấy em bèn đi tìm. Tới chỗ đó biết rằng em đã biến thành cây, bèn gieo mình chết theo ở bên gốc. Xác người anh biến thành phiến đá ôm lấy gốc cây. Người vợ đi tìm chồng đến chỗ cây và đá, nhìn phiến đá là biết chồng mình, cũng gieo đầu giang tay ôm lấy phiến đá mà chết, rồi hóa thành một dây leo cuộn quanh phiến đá và thân cây.

Cha mẹ nàng họ Lưu đi tìm con, tới đây đau xót vô cùng bèn lập miếu thờ. Người trong vùng ca tụng là anh em hòa thuận, vợ chồng tiết nghĩa, cũng đem hương hoa tới miếu thờ cúng.

Khoảng tháng bảy tháng tám, khí nóng chưa tan, Hùng Vương đi tuần thú nhân nghỉ mát ở trước miếu, thấy cây lá xum xuê, dây leo chằng chịt, tự đưa lên miệng nhai thấy mùi vị thơm tho, nhổ bọt lên phiến đá thấy sắc đỏ. Hùng Vương bèn sai đốt đá lấy vôi mà ăn cùng với quả và lá dây leo, thấy mùi vị cay thơm ngon miệng, môi đỏ, má hồng, biết là vật quý bèn lấy cả đem về.

Ngày nay cây thường trồng khắp nơi đó chính là cây cau, dây trầu không, còn vôi thì lấy đá nung qua lửa. Về sau người nước Nam ta phàm cưới vợ gả chồng hay lễ tết lớn nhỏ, đều lấy trầu cau làm đầu. Nguồn gốc trầu cau là như vậy.

(Theo sách Lĩnh Nam trích quái TK 15)

TRUYỆN THỨ CHÍN

CỦ KHOAI LANG

Một hôm tiết trời thu hơi rét, vua Hùng đi xem việc làm ăn của dân ở các làng dọc sông Thao. Về đến làng Thụy Vân, vua cho nghỉ chân ở Đồi Mâm Xôi, thả ngựa cho ăn cỏ, và sai lính hầu đốt lửa sưởi. Con ngựa mãi ăn đám cỏ dây tươi tốt, lá to gần như lá trầu không. Nó lười theo dây lên mấy củ đỏ au rất đẹp. Nó lấy mũi cuốn vào mồm nhai rau rầu rất ngon. Một quan lang theo hầu nhặt lại xem, bẻ ra bên trong lớp vỏ có bột trắng, nếm có vị ngọt. Chàng vui vào than nường mấy củ. Lát sau bới ra thấy chín thơm, bóc ra ăn thử thì thấy ngọt ngậy, thơm ngon lắm. Chàng bèn đưa dâng lên vua cha. Vua ăn cũng khen ngon nói rằng:

- Giống vật rất tinh khôn, biết kén dây và củ này ăn. Ta cũng nên lấy mà ăn, nhưng khác chúng là nường, luộc lên cho chín. Do quan lang tìm thấy trước tiên, nên cứ đặt tên là khoai lang.

Rồi vua bảo đoàn tùy tùng cắt dây đem về trồng.

DẠY DÂN SĂN LƯỚI

Làng Lỗ Tri (nay là khu nhà máy giấy Bãi Bằng) thời vua Hùng rất lắm lợn rừng. Nó thường ở trên núi Voi xuống từng đàn phá lúa. Vua đi săn đến đó, thấy lợn rừng đang vặt bông lúa nhai, sai lính gọi Bồ Chính (trưởng làng) ra trách mắng. Bồ Chính sợ hãi khoanh tay thưa:

-Dân không dám đuổi vì trong đàn có con lợn già rất to, dám cắn lại người.

Vua bảo gọi cả làng ra để ngài dạy săn. Trước tiên vua sai lính đặt tay lưới ngang lưng lợn vẫn đi qua. Rồi cho nổi hiệu tù và, nện chiêng trống, đốt mỗi lửa ném vào đàn lợn, người người gây gộc hò hét âm trời. Đàn lợn sợ hoảng hốt chạy đổ xô về lồng. Bốn con trong đàn lao vào lưới, cuộn tròn như nằm trong dọ. Đoàn người phấn khởi hăng hái xông lại dùng gậy đập chết cả bốn con lợn rừng gây hại.

Vua sai mổ làm lòng ăn với nhau một bữa, còn thịt thì xẻ ra chia đều cho mỗi người một phần. Về sau chỗ ấy dân lập đền thờ Vua, và đến kỳ cầu đem lợn ra thả dõn đuổi vào lưới, bắt mổ lấy bộ lòng luộc cúng chín. Cúng xong bày tiệc cùng ăn, còn thịt để sống chia nhau mang về nhà. Đó là hèm cầu nhắc lại kỷ niệm vua Hùng dạy săn lưới.

Nhân dân Lỗ Tri học được phép săn lưới từ thuở ấy, lưu truyền đến bây giờ, coi như một nghề phụ.

TRUYỆN THỨ MƯỜI MỘT

BẮT TRÂU KÉO CÀY

Thời vua Hùng có một vị Lạc hầu tên là Lạc Cao, đi săn thú ở động Cự Đà bị trâu rừng húc chết. Nhà Vua căm tức ra lệnh cho quân lính lùng bắt sống kỳ được con trâu ấy. Quân lính bủa vây kín, dùng thòng lọng quàng vào cổ nó lôi. Nhưng con trâu rất khỏe, kéo cả bọn lính phải chạy theo. Nhà vua sai buộc đầu dây vào cọc tre ghì xuống đất. Con trâu vẫn cứ kéo, khiến cọc tre xiết bật lên từng mảng đất như đường cày. Cứ như thế cày nát cánh đồng. Cuối cùng nó chịu dừng lại mà thở. Vua ngắm nghía hồi lâu, thấy vẻ hiền lành mới bảo lính lấy chạc xỏ mũi dắt về. Hôm sau vua chọn mấy tay khỏe mạnh trong bộ ngũ, sai một người dắt trâu, mấy người khác vác ách lên vai nó, cho kéo cây gỗ, đi quanh quần hết buổi sáng. Đến khi nó đã thuần thục, vua sai mắc cày bừa vào thay cây gỗ, bắt làm ruộng. Bảo rằng:

- Con vật này lẽ ra phải giết lấy thịt tế Lạc Cao. Nhưng xét ra nó có ích, nên bắt nó kéo cày đền tội.

Từ đó loài trâu rừng lần lượt bị bắt về huấn luyện cho làm ruộng giúp nhà nông.

(Cụ trần Cửu-xã Tử Đà kể)

DƯA CHUA VÀ MẬT MÍA

Làng Tử Đà (Phù Ninh)thờ vua Hùng, ngày cầu tiệc nhất thiết phải có đĩa dưa chua và bát mật mía. Hai thứ này để vào khay sơn son thiếp vàng đặt ở trước long bái, coi là phẩm vật chính. Sự tích là: Một hôm vua đi qua, dùng chân nói chuyện: “Dân làng có biết làm món ăn gì lạ không? “. Dân đem dâng dưa chua và mật mía. Vua nếm thử khen ngon và hỏi vì sao biết cách làm. Dân thưa:

Trong làng có cô gái tên Dưa, mải đi xem hội bỏ quên nắm rau cải trong nồi không nấu. Mấy hôm sau hội tan, về mở vung ra thấy có mùi chua thơm bốc lên, cô nếm thấy ngon, mới thử làm lại xem sao. Lần này cô thái nhiều rau rửa sạch, rắc muối xếp vào vại, đổ nước sâm sấp, để ngâm. Ba ngày sau cô đem ra ăn thì thấy ngon hơn lần trước. Từ đó dân làng làm theo dùng vào bữa ăn.

Còn mật mía thì do chàng Mật cũng người trong làng, thấy mía nướng ăn ngon hơn mía sống, mới thử ép lấy nước rồi đun lên cho đặc lại. Nước mía cô đặc ngọt sắc để được lâu không hỏng, dùng ăn rất tiện, nên dân làng làm theo.

Vua hỏi: “ Đã đặt tên cho những thứ này chưa? ”

Dân thưa: “Chưa đặt tên”.

Vua liền lấy tên cô Dưa và chàng Mật đặt tên cho hai sản phẩm do họ chế ra.

Dân xin phép vua sau này lập miếu thờ ngài. Vua

bằng lòng và bảo:

- Nếu có thờ ta thì dùng dưa chua và mật mía mà cúng.

Bởi vậy có hèm cầu nói trên.

(*Cụ Trần Cửu xã Tứ Đà kể*)

TRUYỆN THỨ MƯỜI BA

BA NGỌN NÚI THIÊNG

Ba anh em quan Lang (con vua Hùng) đi săn thú rừng, đến làng Phù Ninh thì nghỉ chân. Ông cả tháo khăn điều đem giặt, phơi ở cành cây. Một con diều hâu xà xuống quắp mang đi - Ba anh em đuổi theo. Diều hâu bay đến đỉnh núi Vặn thì đậu lại. Ông Cả sai em thứ hai lên tìm cách lấy lại khăn. Lên tới nơi thì hóa. Diều hâu lại bay sang đỉnh núi Trọc. Ông Cả tiếp tục sai em út lên lấy khăn. Ông út lên tới nơi cũng hóa. Chim lại bay sang đậu ở đỉnh núi Nghĩa Lĩnh mở vãn cầm khăn điều. Ông Cả leo một mạch lên đỉnh núi Nghĩa, lên đến nơi thì hóa nốt. Bởi vậy nhân dân Hy Cương khoanh ba ngọn núi Cấm hay núi thiêng, không ai dám xâm phạm đến.

Núi Nghĩa còn gọi là núi Hùng có đền thờ 18 đời vua Hùng.

Núi Trọc ở phía sau núi Hùng, từ xưa tới nay chỉ mọc một thứ cỏ tranh, không có một cây gì khác. Núi Vặn cạnh núi Trọc, xưa kia không có ai dám đến kiếm củi. Nay trồng cây thông nguyên liệu giấy.

LÝ VĂN LANG

Về đời Vua Hùng thứ 17 (Nghị Vương) có ông Lý Văn Tuyền làm chức trưởng quản các phường kinh đô Văn Lang; sống rất nhân đức mà tuổi ngoài bốn mươi, vợ tròn ba mươi mà vẫn chưa sinh con. Ông bà thấp hương cầu trời. Sang ngày thứ ba thì vợ mộng thấy tiên ông câu cá ở bến Việt Trì câu được con rồng nhỏ, gọi lại bảo “nhà ngươi có phúc ta cho về nuôi ”. Rồi bà thụ thai sinh ra Lý Văn Lang. Lý Văn Lang lớn lên tài nghệ cả văn lẫn võ, nghe trong nước có biến loạn vẫn muốn lập công. Một hôm có người thuyền chài gọi lại bán cho con cá trắm to, về mổ ra thì thấy trong bụng chứa thanh bảo kiếm. Lạ thay kiếm phát ra tiếng kêu rên rĩ nghe rất thảm sầu. Lý Lang cầm lấy khấn rằng: “Nếu kiếm giúp ta cứu dân trừ bạo thì hãy thôi kêu ”. Kiếm xong kiếm im ngay.

Thuở ấy bọn tà nghịch mười sáu châu nổi lên chống lại triều đình. Vua lấy làm lo, sai yết bảng khắp nơi cầu tướng tài dẹp loạn. Lý Văn Lang xin vào chầu vua. Thủ tài văn võ xong vua sai cầm quân đi ngay. Lý Lang nhờ có kiếm thần đánh đâu thắng đấy, bọn phản nghịch đầu hàng chịu tội về kinh chịu tội. Không đầy một năm đất nước trở lại bình yên, dân chúng vui mừng an cư lạc nghiệp.

Vua luận công phong Lý Văn Lang làm Ninh Hải Quốc công cho hưởng bổng lộc sáu châu dọc sông

Thao, lại cho lập cung sở ở Cao Mại.

Hùng Nghị Vương có công chúa Nguyễn Cư là con của bà vợ thứ năm. Bà nằm mơ thấy chim nhạn bay vào mồm sinh ra nàng. Lúc mới được ba ngày đã thích nghe hát xoan, không được nghe thì khóc. Nguyệt Cư phát nguyện lấy chồng là kẻ anh hùng, bèn gả cho Lý Văn Lang.

Phò mã khuyên vua nên đi kinh lý các vùng trong nước, vua khen phải. Phò mã hộ giá nhà vua vào bộ Việt Thường (Thanh Nghệ Tĩnh). Khi qua núi Bàn Sơn đột nhiên một đám mây trắng ập đến trùm kín phò mã, thanh thần kiếm đeo bên mình chui ra khỏi vỏ bay vọt lên trời, sấm chớp đùng đùng. Mây tan sấm lặng không thấy phò mã đâu nữa, chỉ còn mũ áo để lại.

Hùng Nghị Vương kinh ngạc cho là linh dị , sắc chỉ cho ba mươi bảy xã dân vùng Bàn Sơn lập miếu thờ. Tại Cao Mại là nơi thờ chính, phong là “Phò mã phụ ký lang đại vương ”.

TRUYỆN THỨ MƯỜI LĂM

TIÊN DUNG CÔNG CHÚA

Tiên Dung là con gái Vua Hùng mười tám, tính thích du chơi phong cảnh trời mây non nước, không muốn lấy chồng. Nàng đã từng khước từ các chàng trai con Lạc hầu Lạc tướng, nói rằng:

- Đừng ai đến hỏi ta mà mất công.

Tiên Dung thường ngồi thuyền lâu sai quân sĩ chèo đi chơi các ngã sông, đem theo nồi niêu gạo muối, tiện đâu nghỉ đó, hàng tháng mới về. Một hôm nàng thả thuyền xuôi sông Cái, đến bãi Tự Nhiên sai quân hầu căng màn cho tắm. Đang khi mình trần dội nước, bỗng nàng trông thấy một chàng trai cũng trần truồng nằm trong cát. Nàng vội ném cho mảnh lụa thắt lưng để chàng cuốn tạm, rồi hỏi duyên cớ sao lại ở đây. Chàng thưa tên là Chử Đồng Tử, chuyên làm nghề mò tôm cá nuôi bố già. Nhà nghèo quá, hai bố con chung nhau chiếc khố hể ai ra ngoài thì mặc. Tháng trước bố chàng chết, có dặn để khố lại mà mặc nhưng chàng không nỡ đã đem liệm cho bố. Vừa rồi chàng đang mò cá, thấy thuyền nhà Vua sợ hãi vội mình trong bãi cát, không ngờ nàng dội nước cát trôi làm lộ ra.

Tiên Dung nghe xong trong lòng cảm động xót thương chàng trai nghèo hiếu thảo. Nàng nói:

- Trên đời này chưa có một cuộc gặp gỡ trai gái nào oái oăm kỳ lạ thế này, hẳn là duyên trời xe - Kể từ nay thiếp là vợ chàng

Lúc lấy nhau rồi, vợ chồng Tiên Dung sinh cơ lập nghiệp ở bãi Tự Nhiên, mở chợ buôn bán trở nên giàu có. Một hôm Đồng Tử theo người khách ngoại quốc ra bể, lên núi Quỳnh Viên. Ở núi có am thờ Phật bọn khách thương thường vào xin nước uống. Nhà sư coi am pháp tự là Ngưỡng Quang, thấy Đồng Tử dung nhan khác phàm biết là có đạo cốt, bèn truyền phép cho. Khi về, sư tặng cái nón và cây gậy. Đồng Tử giảng đạo Phật cho Tiên Dung nghe, nàng liền giác ngộ, xin theo. Hai người bỏ chợ búa, cho hết tiền bạc sản

ngiệp để đi tìm thầy học đạo. Đến một nơi đồng trống xa thôn trang thì trời tối. Đồng Tử cầm chiếc gậy lấy chiếc nón úp làm lều trú thân. Đến canh ba thấy phố xá mọc lên, thành quách cung điện uy nghi cùng bách quan văn võ, thị vệ, quân lính la liệt trước mắt. Dân chúng quanh vùng lũ lượt đem sản vật đến dâng, xin Chử Đồng Tử lên ngôi chúa lập nước riêng. Nhưng vợ chồng Tiên Dung không thiết gì chuyện đó.

Tiên Dung sai quân hầu trở về cung tâu bày với vua cha về việc nàng lấy Chử Đồng Tử, và đã cùng nhau đi tu đạo Phật. Nghe xong vua Hùng nổi giận sai quan quân đi bắt vợ chồng Tiên Dung đem về triều trị tội. Thấy vậy các thần bát bộ kim cương bảo hộ Chử Đồng Tử vội tâu với Ngọc Hoàng thượng đế. Ngọc Hoàng bèn truyền lệnh đưa vợ chồng Chử Đồng Tử về trời. Các thần làm phép đang đêm búng cả bãi đất có nhà cửa vườn tược của họ Chử bay lên trời. Mảnh đất khuyết đó thành đầm Dạ Trạch (Dạ là đêm. Trạch là đầm). Từ khi mất con, vua Hùng tỏ ra hối hận. Một hôm giữa trưa nhà vua đang uống rượu giải buồn thì được báo: có một đám mây ngũ sắc tròn vành vạnh từ trên cao dần dần hạ xuống ngã ba sông Việt Trì. Mây tan hiện ra chiếc thuyền lâu có Tiên Dung ngồi trong, hai con rồng kéo vào đến bờ thì lặn. Nhà Vua hết sức sửng sốt, vội vàng từ cung điện Làng Cả chạy bộ ra bến sông đón con. Triều thần văn võ và lính tráng khiêng kiệu không lóc nhóc chạy theo.

- Mấy năm trời xa cách, cha con gặp nhau mừng rỡ không sao tả xiết. Tiên Dung thưa:

- Con ở Thượng giới sướng lắm, nhưng nhớ nhà

không sao chịu nổi, nói mãi Ngọc Hoàng mới cho về.
Xin cha tha cho lỗi cũ

Vua hỏi :

- Còn Chủ Đồng Tử đâu ?

Tiên Dung thưa

- Vì dưới trần gian con cái chưa biết thương xót cha mẹ, nên trời sai Chủ Đồng Tử xuống hạ giới nêu gương hiếu thảo cho đời, đã hết hạn. Nay Thượng đế phong làm thần linh ban phúc hộ mệnh cho dân Lạc Việt ta.

Anh em họ hàng xúm xít hỏi chuyện trên Trời, nhưng Tiên Dung không dám nói, vì Ngọc Hoàng đã dặn cấm không được tiết lộ Thiên cơ.

TRUYỆN THỨ MƯỜI SÁU

TẢN VIÊN SƠN THÁNH

Tản Viên Sơn Thánh - vị thần chúa tể của nước Nam ta tên là Nguyễn Tuấn, còn gọi là Ngột Tuấn, Tuấn Tùng. Mẹ Tuấn là Định Thị Hoa quê ở động Lăng Xương (nay là xã Trung Nghĩa Tam Thanh) không có chồng, dẫm phải vết chân Sơn Thần mà mang thai. Vì vậy khi sinh nở bà Hoa phải vào rừng lấy phiến đá làm giường, quỳ hai đầu gối lồm cồm đá. Hồ đến liếm cho Tuấn sạch sẽ, rồi kiếm mồi cho bà Hoa ăn.

Tuấn lớn mau và mạnh khỏe, đỡ dần mẹ việc nhẹ

đến việc nặng. Chàng phát nương trả lúa. Lại thay cây cối phát ban ngày, qua đêm lại thấy dựng lên sống như cũ. Chàng rình bắt được Thần rừng làm việc đó, quỳ xin. Thần rừng cho chàng chiếc gậy đầu sinh đầu tử và dặn cách dùng: chỉ đầu sinh thì vật chết sống lại, chỉ đầu tử thì vật nát đá tan. Tuấn thường đem cây gậy đi làm việc nghĩa, cứu người bị nạn, trừng phạt bọn gian ác.

Năm Tuấn 20 tuổi thì bà Đinh Thị Hoa mất, chàng được bà chúa động Mường ở Ba Vì là Ma Thị nhận làm con nuôi. Đến khi bà Ma Thị mất, chàng được thừa hưởng tất cả rừng ruộng trâu bò của bà chúa động. Dãy Ba Vì có ngọn núi cao nhất hình chiếc nấm tròn vo gọi là núi Tản Viên, nên người ta cũng gọi chàng là Tản Viên động chủ.

Một hôm Tuấn ra bờ sông Đà thấy con rắn đen vẩy bạc chết nằm trên bãi cát, biết không phải là rắn độc mới chỉ đầu sinh cho rắn sống lại. Rắn chụt lốt thành người, xưng là con vua Thủy Tề đi chơi bị trể chân trâu đánh chết. Hoàng tử cố mời chàng xuống thủy cung để vua cha đến ơn. Nói rồi rẽ nước cho chàng đi. Hoàng tử bảo Tuấn:

- Cha mẹ tôi thấy chàng cứu mạng tôi thì thế nào cũng mừng mà đền ơn bất kể vật gì. Nếu hiến vàng bạc châu báu thì đừng có lấy, chỉ cần xin một quyển sách ước mà thôi.

Quả nhiên vua Thủy bày tiệc to thiết đãi, giữ Tuấn ở lại chơi, đưa đi xem cung thành lầu các, hang động hết sức nguy nga lộng lẫy. Tuấn đòi về, vua bảo hoàng hậu mở kho bầy tất cả báu vật cho chàng chọn thỏa

thích. Tuấn nhật xin quyển sách ước, vợ chồng vua thủy cho ngay.

Nguyễn Tuấn về núi Ba Vì làm những điều huyền bí, người đời gọi là Sơn Tinh(Thần núi)

Vua Hùng thứ mười tám không có con trai, dựng lầu ở gò Tiên Cát kén chồng cho công chúa Ngọc Hoa để nhường ngôi. Sắc đẹp của Ngọc Hoa đồn đại đến tận non cao, biển sâu.

Sơn Tinh xin đến cầu hôn. Cùng lúc một người từ trong làn nước ngã ba sông Việt Trì đi lên xưng là Thủy Tinh, cũng xin cầu hôn

Vua nói :

- Hai vị, một là thần núi, một là thần sông, hẳn nhiều phép thuật, thử trở tài xem sao.

Thủy Tinh ra oai phóng vòi hút nước sông, phun ra hai lỗ mũi thành mây đen cuộn cuộn, sấm chớp mưa bão mù trời, cây cối đổ gãy tan hoang.

Sơn Tinh mỉm cười, cầm gậy dơ đầu tử vào đám mây, lập tức mây đen tan biến, sấm sét câm lặng, hết gió bão, bầu trời trở lại như cũ. Chàng chỉ đầu sinh xuống mặt đất, cây cối đổ gãy bỗng đứng lên lành lặn như không hề có sự gì.

Vua khen :

- Hai vị tài cán như nhau

Nói tiếp :

- Trẫm chỉ có một con gái, không biết nên gả cho vị nào. Vậy thách cưới như sau: Voi chín ngà, gà chín cựa, ngựa chín hồng mao. Vị nào mang lễ vật đến trước thì đón dâu.

Sơn Tinh về dỡ sách ước ra xin, một lát đã thấy

voi, ngựa, gà có thân hình cổ quái đi lại nhộn nhịp đầy sân. Chàng sai gia nhân đem sang lầu Tiên Cát mời Ngọc Hoa lên kiệu rước về núi Ba Vì. Vua ngại Thủy Tinh đến có cản trở cũng giục đi luôn.

Thủy Tinh chạy từ đông sang tây từ nam lên bắc, nhờ họ hàng gia tộc vào tận rừng xanh núi đỏ mãi mới kiếm được đủ lễ vật. Đem đến ra mắt nhà vua, thì đã quá muộn màng.

Thủy Tinh rời kinh đô hăm hăm tức giận, hô phong hoán vũ, dâng nước sai các loài thủy tộc đánh đuổi Sơn Tinh.

Sơn Tinh làm phép cho núi Tản Viên luôn luôn cao hơn nước, và sai các loài dã thú sơn cầm lao gỗ đá vào quân Thủy Tinh, lại hòa lá cây quả độc vào nước làm ba ba, giải thường luồng tôm cá chết nổi lênh bênh.

Thủy Tinh thua trận đành thu quân rút lui. Nhưng từ đó mỗi năm làm ra lũ lụt một lần đánh Sơn Tinh, hy vọng giành lại Ngọc Hoa công chúa, người đẹp vĩnh hằng của tạo hóa.

TRUYỆN THỨ MƯỜI BẢY

HỒNG NƯƠNG CÔNG CHÚA

Vua Hùng thứ 18 (Duệ Vương) sinh được 20 hoàng tử và 6 công chúa (1).

Công chúa đầu lòng hứ là Tiên Dung, lấy chồng là Chử Đồng Tử. Công chúa thứ hai hứ là Ngọc Hoa lấy

chồng là Nguyễn Tuấn (Tản Viên Sơn Thánh).

Công chúa thứ ba húy là Hồng Nương, tuổi vừa đôi mươi nhan sắc tuyệt trần, da tóc tựa tuyết ngưng, ngôn từ tao nhã, nhiều chàng trai xa gần say đắm, nhưng chưa hề cùng ai hứa hẹn lương duyên. Sở thích của nàng gần như chị cả, chỉ muốn đi đây đó du xem phong cảnh lạ lùng kỳ thú của đất nước bao la.

Một hôm nàng xin phép vua cha cho đi chơi miền biển. Vua cũng chiều con cấp cho một chiếc thuyền rồng, lương thực và quân hầu đầy tớ. Thuyền xuôi sông Cái thuận dòng đến trang Tiễn Liệt (2) thì vừa mặt trời gác núi, công chúa cho quân hầu nghỉ ngơi nấu cơm chiều.

Nàng lên bộ lướt xem cảnh vật, thấy một đám đất có dòng nước uốn quanh như rồng cuộn hổ ngồi, tả hữu một mầu, suối giếng đều tiện, thực là nơi thắng cảnh sơn thủy hữu tình. Công chúa bèn truyền dựng một ngôi quán xá để ở lại thăm chơi.

Quán dựng xong nàng bằng lòng lắm nói rằng: “Mai ngày mỗi khi qua đây, ta có sẵn quán này dùng chân”.

Dân trang thấy vậy bảo nhau đem biếu công chúa lợn, gà, gạo nếp, gạo tẻ. Công chúa liền sai gói bánh chưng, mổ lợn gà bày tiệc cùng nhau ăn uống vui vẻ.

Sáng hôm sau có vị sứ giả của nhà vua đến truyền lệnh cho Hồng Nương gấp trở về kinh. Nàng không nhận ra vị sứ giả đó là ai, mới hỏi họ tên. Sứ nói “Công chúa ít khi ra ngoài cung, nên không biết hết bày tôi của triều đình” Nàng hỏi tiếp:

- Cha ta đã cho phép ra biển du chơi, lương ăn cấp

hàng mấy tháng, sao bỗng dừng lại gọi về ?

Sứ nói:

- Xin công chúa cứ xuống thuyền về mau rồi khắc rõ, tôi không dám tiết lộ công việc của triều đình, mệnh vua sai thế nào tôi làm thế ấy.

Hồng Nương đành tuân lệnh, sai quân hầu khuân hành lý xuống thuyền bơi ngược. Thuyền vừa ra đến giữa dòng thì trời bỗng tối sầm, nổi mưa to bão lớn, sấm chớp liên hồi, đá bay cát chạy. Các loài rùa giải, rỗng rần, tôm cá nhao lên mặt nước đón Hồng Nương về thủy phủ. Một luồng hào quang lóa mắt chụp kín con thuyền, nước sông Cái sôi lên sùng sục. Công chúa cùng đoàn tùy tùng theo thuyền rỗng lặn xuống đáy sông. Lát sau hết thấy đều biến mất, mưa gió lặng im, cảnh vật trở lại như thường. Ngày đó là ngày mồng 8 tháng 3 âm lịch .

Các cô hầu gái Tiên Liệt vô cùng sợ hãi , vội làm sớ cấp báo tâu lên nhà vua , kể rõ sự tình. Vua và triều thần khóc lóc , kinh ngạc, cùng nhau đoán rằng : Vị sứ giả đó là của Đức Long Quân sai đi gọi Hồng Nương về châu Tiên Tổ .

(1) Theo Ngọc phả Đền Hùng thì , Vua thứ 18 sinh được 20 hoàng tử và 6 công chúa ; nhưng chỉ thọ có hai người là Tiên Dung và Ngọc Hoa, còn đều mất sớm . Tên tuổi các vị mất sớm chưa rõ , nay mới tìm thấy công chúa Ba giới thiệu vào đây.

(2)Trang Tiên Liệt nay là làng Tiên Huân xã Viên Sơn thị xã Sơn Tây tỉnh Hà Tây

Vua bèn truyền lệnh cho dân trang Tiên Liệt lập miếu thờ, ban mỹ tự là: “Tôn thần nhất phong Hồng Nương Ngọc Tinh công chúa”.

Từ ngày lập miếu thờ công chúa, dân trang làm ăn phát đạt, người vật đều thịnh, cầu cúng rất linh nghiệm. Kẻ gần người xa thấy đều tôn kính, hễ đi qua trước miếu đều hạ nón mũ, cưỡi ngựa thì phải xuống.

Về đời vua Lê Thánh Tông có giặc Chiêm Thành xâm lấn. Vua sai Thái tử Tranh cầm quân dẹp giặc. Binh mã chảy đến trang Tiên Liệt thì đóng lại nghỉ đêm. Thái tử vào miếu thắp hương cầu Bách thần hộ quốc. Đêm ấy ngài mộng thấy một người con gái chạc 20 tuổi, mặt hoa da phấn dung mạo phi thường, đi từ trong hậu điện tới đứng trước mặt, nói rằng:

- Thiếp là Thủy Tinh công chúa, cháu Đức Long Quân, được Trời sai quản lĩnh giải sông này. Thiếp xin nhận lời với Thái tử, giúp cho quân ta thắng trận.

Sáng hôm sau Thái Tử cho triệu bộ lão trong trang đến hỏi chuyện. Các bộ lão thưa rằng: “ Miếu này có từ thời Vua Hùng thứ 18, thờ Công chúa thứ ba hóa ở đây, rất linh ứng ”.

Thái tử liền cho mổ bò lợn tế thần, rồi mở tiệc khao quân. Ăn uống vừa xong thì thủy binh Chiêm Thành kéo đến. Thái tử hạ lệnh cho hai cánh quân thủy bộ cùng tiến đánh, súng nổ tên bay vây chặt bốn bề. Đoàn thuyền Chiêm Thành thốt nhiên bốc cháy, quân giặc bó giáo lại hàng, viên đại tướng bị bắt sống (1).

Đất nước bình yên được mấy năm thì Vua Thánh tông băng hà, Thái tử Tranh lên nối ngôi đặt miếu hiệu là Hiến Tông. Vua Hiến Tông nghĩ đến công ơn của

Thần âm phù đuổi giặc Chiêm, đã phong sắc là: “Nhất phong Đức vua Bà tế thế an dân giữ quốc đồng hưu”. Lại ban tặng cho Thần trang Tiên Liệt, bao nhiêu thuế khóa giao cho dân tu sửa miếu đền và cúng tế hàng năm vào ngày Thần hóa (mồng 8 tháng 3) và ngày Thần báo mộng giúp bình giặc Chiêm(mồng 8 tháng 2).

Các đời vua sau vẫn tuân lệ ấy, và tiếp tục sắc phong mỹ tự cao quý cho Công chúa Hồng Nương. (Triều nhà Lê 4 đạo sắc, triều nhà Nguyễn 65 đạo sắc).

Theo Ngọc phả miếu Tiên Huân.

(1) Ở đây chúng tôi biên soạn trung thành theo truyền thuyết ghi trong Ngọc phả miếu Tiên Huân, về truyện bình Chiêm gắn với việc âm phù của Công chúa Hồng Nương. Thực tế lịch sử có thể khác. Theo sách Đại Việt sử ký Toàn thư thì :

- Dưới thời Trần, năm Quang Thái thứ 3 đời Trần Thuận tông(1390)vua Chiêm là Chế Bồng Nga đem quân ra xâm lược, bị quân Trần bắn chết ở Hải Triều(Thái Bình).

- Dưới thời Lê, năm Hồng Đức thứ nhất đời Lê Thánh Tông, quân Chiêm xâm phạm Châu Hóa. Vua thân chinh, tháng 3 năm Hồng Đức thứ hai (1471)hạ thành Chà Bàn bắt sống Vua Chiêm là Trà Toàn.

TRUYỆN THỨ MƯỜI TÁM

CAO SƠN ĐẠI VƯƠNG

Cao Sơn húy là Nguyễn Hiến và Quý Minh húy là Nguyễn Sùng, là hai em họ của Tản Viên Sơn Thánh.

Hồi Hùng Vương mười tám kén rể, Tản Viên được lấy Ngọc Hoa đem về núi Ba Vi, Thủy Tinh sai các loài thủy tộc đuổi theo cướp lại. Cao Sơn giúp Sơn Thánh giữ sông Đà, Quý Minh giữ sông Thao.

Thấy Quý Minh ra sức lao gổ đá, lá cây quả độc xuống sông Thao làm quân Thủy Tinh thua liểng xiểng, còn Cao Sơn cứ ngồi im như pho tượng trên đỉnh núi Thu Tinh. Tản Viên liền sai sứ đem thư đến trách. Thư rằng: “ Sông Đà là con sông trọng yếu vào núi Ba Vi. Biết chú phép thuật cao cường, lược thao traten mạc, mới giao cho trấn ải. Nay giặc đến tận chân thành, sao chú nỡ ngồi nhìn mà không đánh? ” Cao Sơn phê thư cho sứ cầm về rằng: “Đội hậu quân giặc vào nốt, em sẽ đánh ”.

Sứ đi khỏi, Cao Sơn làm phép dựng một lũy đá ở Gành Bợ chặn phía trên, một lũy đá ở Đá Chông chặn phía dưới, không cho quân Thủy Tinh rút chạy. Rồi sai dân hai bên bờ sông thả lưới, quăng chài bắt giết. Thủy tinh lo sợ phải tướng Giao Long đến phá lũy. Cao Sơn cầm dao nhọn nhảy xuống nước đánh nhau với tướng Giao Long suốt một ngày, một đêm, cuối cùng chém y đứt làm ba khúc.

Thủy Tinh đại bại thu quân rút chạy về bể.

Đẹp xong loạn Thủy Tinh, Sơn Thánh tâu với vua Hùng cần tiếp tục xem xét các nơi trong nước. Phía Tây có bộ Diêm La, bộ chúa là người trong tông phái nhà vua nhưng lâu nay tỏ ra trễ nải việc triều cống, Tản Viên xin vua sai Cao Sơn đi sứ.

Bộ chúa Diêm La bị Cao Sơn trách cứ, sợ tội mới lưu lại chơi ba tháng. Bộ chúa có cô con gái tên gọi Phương Dung nhan sắc hơn người, ý muốn gả cho Cao Sơn. Cao Sơn xin trở về triều tâu việc và lo sính lễ để cưới Phương Dung. Chúa Diêm La nhờ đem của ngon vật lạ về dâng Vua Hùng và định lệ cống hiến không thay đổi.

TRUYỆN THỨ MƯỜI CHÍN

NĂM ANH EM LỐT RẮN

Vào đời Hùng Vương thứ mười tám, ở làng Trung Giáp (nay thuộc Phù Ninh) có ông lão nhà nông đi cày nhặt được năm quả trứng rắn. Ông đem về để ở bờ ao lấy rơm lót ổ, ít lâu sau nở ra năm chú rắn đen. Năm chú rắn hiền lành bạo dạn, thấy người ra cầu ao là bơi ngay lại quấn quít. Vợ chồng ông lão cũng thích các chú rắn, thường đem cơm đến đặt ở bờ ao cho ăn.

Năm chú rắn lớn bằng ống điều thì thôi không ở bờ ao nữa, mà kéo nhau lên rừng đào hang, nhưng tối nào cũng bò về quanh nhà một lượt, nghe như có tiếng trò chuyện rì rầm. Trải năm tháng, các chú lớn bằng cây cau đen ánh như than, hai con mắt như hai cục lửa,

có lúc cuộn tròn thành đồng như bồ lúa giữa sân.

Hồi ấy chúa Thục chống lại triều đình. Vua Hùng thân cầm quân ra trận. Quân tới Trung Giáp, vua cho nghỉ đêm. Sáng hôm sau có năm chàng trai xưng là anh em một nhà, xin theo vua đi đánh giặc. Vua hỏi quê quán các chàng nhìn nhau không nói.

Vua bảo :

- Thôi được, những người anh hùng nghĩa sĩ cũng thường mai danh ẩn tích.

Vua hỏi tên, các chàng thưa :

- Người chúng tôi đen đủi nên cứ theo lớn bé mà gọi là cả Đen, hai Đen, ba Đen, bốn Đen, năm Đen.

Vua nhìn kỹ cổ các chàng đều có vảy, mắt thao láo như mắt rắn, thậm chí bụng sẽ dùng vào việc biến ảo. Ngài nói:

- Ta phong cho Cả Đen là Uy Hắc tướng quân, Hai Đen làm Vũ Hắc tướng quân, Ba Đen làm Lôi Hắc tướng quân, Bốn Đen làm Phong Hắc tướng quân, Năm Đen làm Hỏa Hắc tướng quân. Khi gặp địch thì năm tướng đứng giữ năm cửa trận.

Quân ta tiến lên vây đánh chúa Thục ở châu Bảo Lạc. Chúa Thục định đánh úp, chẳng ngờ vua tiến lên trước quân mã hùng mạnh khí thế ngất trời, năm tướng đứng ở 5 cửa trận oai phong凛冽. Chúc Thục tự biết thua to nên xin quy phục. Vua tha cho chúa Thục, sai trở lại giữ đất bản bộ ở Cổ Loa. Rồi ngài rút quân về kinh đô. Quân xuôi tới Trung Giáp khoảng giữa chiều, bỏ lão xa gần đến đứng dọc đường đón mừng dâng gạo thịt. Vua cho nghỉ chân và nấu cơm ăn, ngủ lại qua đêm. Sáng hôm sau mất biến năm tướng Uy, Vũ, Lôi, Phong, Hỏa. Vua sai quân lính bủa đi tìm, không thấy tăm hơi.

Lại nói vợ chồng ông lão nhà nông vợ vẫn nhớ năm chú rấn đi đâu mất từ hôm xe vua lên Bảo Lạc, đêm qua lại thấy về lượn múa trước sân. Họ thấy làm nghi ngờ bèn đến trước mặt Vua nói hết mọi chuyện về năm chú rấn. Vua nói :

- Đạo trời biến hóa không thể lường. Năm chú rấn của lão cũng có thể là năm viên tướng của ta. Hãy về bảo làng lập miếu thờ , lấy tước phong của năm tướng làm duệ hiệu, nếu có linh ứng thì tốt.

Vợ chồng ông lão về nói lại, làng bèn dựng miếu đốt hương khấn duệ hiệu. Năm chú rấn bò cả lên bàn thờ, rồi nằm trên nóc miếu.

Từ đó làng Trung Giáp thờ năm vị Thần Rấn

TRUYỆN THỨ HAI MƯƠI

TRÂU NƯỚC

Đức Tản Viên Sơn Thánh vâng lệnh Vua Hùng đi dẹp Thục, đến làng Quang Húc nghỉ chân. Buổi chiều thấy có hai con trâu đực húc nhau rồi vùng nhảy xuống sông Bứa mất tích.

Xẩm tối có hai chàng trai khỏe mạnh, tự nhận là giỏi đánh nhau dưới nước, xin được theo ra trận lập công. Họ xưng là con ông Trần Vĩnh người bản hương, anh tên là Trần Giới em tên là Trần Hà. Lúc sau ông Trần Vĩnh và mấy cụ già người làng cũng đến nói với Tản Viên về tài cán của Giới, Hà đáng được tin dùng. Tản Viên thu nạp, sai lĩnh thủy quân.

Tướng Thục bày thủy trận trên sông Đà thuộc châu Quỳnh Nhai, thuyền to nhỏ đầy mặt sông. Tản Viên muốn đặt mọo hỏa công, cho bè nứa chát lau sậy đốt thả trên sông trôi xuống, quân vua đánh thốc dưới lên kẹp quân Thục vào giữa. Anh em họ Hà xin Sơn Thánh kế của mình, lặn đục thuyền địch. Sơn Thánh hỏi:

- Những ai biết lặn?

Các tướng nhìn nhau chưa lên tiếng. Giới, Hà nói:

- Việc này cứ để mặc hai anh em chúng tôi, khắc xong.

Lạ thay, hai người ngụp xuống ở luôn dưới nước đục kỹ hết thuyền giặc mới chịu lên bờ.

Phá xong quân Thục, Tản Viên mới hỏi hai anh em họ Trần: “ Làm sao mà ở lâu dưới nước đến nửa ngày như thế ”.

Trần Giới nói:

- Anh em chúng tôi chính thực là con vua Động Đình Hồ. Cụ tổ ngày xưa gả công chúa Thần Long Nữ cho đức Lạc Long Quân, nay vẫn còn gia phả ghi chép đồ sính lễ. Chúng tôi vì phạm lỗi say rượu ngủ quên không vào chầu nghe việc quốc sự, lẽ ra bị khép tội chết, may nhờ có bên ngoại xin cho, phạt đầy làm trâu nước ở sông Búta và thác sinh làm con ông Trần Vĩnh. Nay chúng tôi lập được công lớn đủ chuộc tội cũ. Vậy xin Sơn Thánh nói với phụ vương chúng tôi một câu, cho anh em chúng tôi được về cung phủ thì may lắm.

Tản Viên nhận lời.

Thuyền quân ta về đến Quang Húc, tôm cá, rùa, giải, rắn, thường luồng nhao lên mừng đón. Giữa sông

Búa dềnh lên hai con trâu nước húc nhau.

Trần Giới, Trần Hà vãi chào Tản Viên rồi nhảy lên mình trâu cưỡi cùng lặn xuống đáy sông. Tản Viên cho quân đổ bộ hạ trại. Vừa xếp nếp xong thì đã thấy Trần Giới, Trần Hà xồng xộc đứng trước mặt. Sơn Thánh hỏi :

- Vì có gì hai tướng quân chưa đi ?

- Thưa chúng tôi sắp ra tới bể thì gặp sứ của phụ vương bảo quay lại đưa thư cho Đại Thánh.

Nói rồi Trần Giới luồn tay vào ngực áo lấy phong thư của vua Hồ Động Đình trao cho Tản Viên. Thư rằng: “Nể lời Đại Thánh, ta tha lỗi cho hai hoàng tử. Nhưng Thục chúa chỉ là con cháu ngỗ ngược làm loạn mà thôi. Rồi đâu sẽ vào đó. Cái nguy lớn của Ngài là giặc từ bên ngoài mà vào. Trong nhà phải khéo dàn xếp thì mới giữ vững được cơ đồ, bờ cõi. Ngài vốn đức độ hơn đời, nên giúp đỡ cho Thục chúa. Chẳng chóng thì chầy ông ta sẽ phải thụ địch. Bởi thế hai hoàng tử cho ở lại lập công thêm, rồi sau ban thưởng luôn một thể. Vốn đời xưa có tình thông gia với nước ngài, nên mạo muội bàn kế ”.

Trần Giới, Trần Hà lại được sắp vào bộ ngũ. Sau đó Vua Hùng nghe lời khuyên của con rể, nhường ngôi cho Thục Phán. Hai ông chuyển sang giúp Thục An Dương Vương chống quân nhà Tần, trở tài bơi lội, chuyên đi đường bể đem thuyền lương tiếp tế cho quân ta. Trên đường đi gặp binh thuyền của quân Tần vây đánh, hai ông lại dùng kế lặn đục thủng đáy dìm kỳ hết.

Hai ông được thờ ở Quang Húc, ngày cầu có lệ chọi trâu, lấy từ điển tích đôi trâu nước húc nhau.

TRUYỆN THỨ HAI MƯƠI MỐT

CỘT ĐÁ THỀ

Vua Hùng thứ 18 hiệu Duệ Vương, sinh được 20 quan lang (hoàng tử) và 65 mị nương (công chúa). Các quan lang và mị nương phần lớn đều không thọ. Một vị hoàng tử đã được nối ngôi vua tới 6 năm, lấy hiệu là Kính Vương, rồi sau cũng băng hà. Cuối cùng chỉ còn hai công chúa Tiên Dung và Ngọc Hoa. Tiên Dung du chơi trên sông Cái, rồi thuận lấy chàng trai nghèo Chử Đồng Tử. Còn Ngọc Hoa công chúa, vua cho dựng lầu ở gò Tiên Cát, kén rể để nhường ngôi.

Thục Chế cháu họ xa nhà vua, làm bộ chúa Tây Vu, ngỏ lời cầu hôn trước nhất. Nhưng các Lạc hầu can vua không nên gả. Nguyễn Tuấn động chủ Ba Vì được chấp thuận đem kiệu đến đón Ngọc Hoa. Rồi được lên nối ngôi.

Thục Chế tức giận, lúc sắp mất dặn con là Thục Phán đánh Văn Lang báo thù cho cha. Phán gây dựng lực lượng và giao hiếu với các bộ lạc miền núi, hợp lại với nhau cùng tiến công vào nước Văn Lang. Quân của Vua Hùng do Nguyễn Tuấn chỉ huy đánh lui tất cả các đạo quân Thục, buộc phải giảng hòa.

Giữa thế kỷ thứ III trước công lịch quân nhà Tần đã chiếm được gần hết 6 nước láng giềng, đang tiến

xuống đánh các bộ lạc người Việt tộc cùng giống với dân ta (Bách Việt) cư trú ở Quảng Đông Quảng Tây. Mỗi họ nhà Tần đang hình thành. Phán lo ngại, đem cống cho vua Tần một tướng tài tên gọi là Lý Thân để cầu hòa hiếu. Lại sợ dân Văn Lang còn oán mình gây ra cuộc chiến tranh đạo trước, mới dâng thư tạ tội với vua Hùng. Nhân bức thư ấy, Nguyễn Tuấn khuyên vua Hùng gọi Phán đến nhường ngôi, nói: “Làm như thế thì bệ hạ là thánh nhân vậy”. Thục Phán được nhường ngôi, cảm kích lập cột đá thể trên đỉnh núi Nghĩa Lĩnh, thể rằng: “Sẽ ra sức giữ gìn cơ nghiệp của tổ tông và đời đời thờ phụng nhà Hùng”. Việc ấy xảy ra năm 258 TCN

Phán sai đẽo đá làm đền thờ 18 đời vua Hùng trên núi Nghĩa Lĩnh. Lại sai làm miếu thờ mẹ Nguyễn Tuấn ở động Lăng Xương.

TRUYỆN THỨ HAI MƯƠI HAI

BA ÔNG ĐỒ SĨ

Thời Vua Hùng thứ 18 có vợ chồng nhà họ Vũ sống ở trang Hương Lan(Lâu Thượng Việt Trì), chồng dạy học vợ chồng dâu nuôi tằm. Gia tư nền nếp, nhưng hiếm đường con cái. Bà Nguyễn Thị đem lễ vật tới chùa Việt Trì cầu tự. Về ngủ mơ thấy người câu cá đem đến sân nhà cho ba con cá rô to, nói là cá rất quý, rồi biến mất. Năm sau bà sinh được một con trai, đặt tên

là Đô. Hai năm sau sinh đôi hai trai nữa. Ba anh em lớn lên đều có sức khỏe, giỏi võ nghệ, nhất là lặn lội dưới nước.

Một hôm nhân tiết trời xuân, Vua Hùng Duệ sai dân chài đánh cá ở ngã ba sông cho vua xem. Dân kinh đô đổ về hai bờ sông đứng xem, mỗi khi chài được con cá to lại reo lên như mở hội. Ba anh em chàng Đô cũng rủ nhau đi xem. Khi trông thấy xe vua, anh em bảo nhau: “Làm trai cho đáng nên trai”. Vua nghe lấy làm lạ, sai gọi lại đứng trước xe hỏi chuyện. Anh em ứng đáp trôi chảy lễ phép vừa lòng vua lắm. Ngài bèn ban cho tiểu danh là Chàng Chấu, dùng làm quân tùy tùng.

Anh em ngày ngày túc trực bên cạnh vua. Ba tháng sau đều được cất nhắc làm quan đô sĩ, đi đâu thì hộ vệ nhà vua. Bấy giờ xảy ra việc vua Hùng bắt đắc đi phải nhường ngôi cho Thục Phán. Ba anh em treo mũ áo từ tạ nhà vua trở về ẩn dật tại quê nhà. Từ đó sống bằng nghề câu cá độ nhật.

Một hôm có sứ giả của Thục An Dương Vương lên đòi ba ông về đắp Loa thành. Ba ông không chịu đi, nói rằng: “Chúng ta đội ân của vua không lấy gì báo đáp. Nay há lại đem thân đi thờ người khác, đành chịu sai khiến sao”. Nói rồi cùng nhau buộc đá vào người nhảy xuống Đầm Dấu tự vẫn. Sứ về tâu lại, An Dương Vương than rằng: “Tướng thần của Duệ Vương đều về tay ta nhậm sử. Kia như nhân phẩm của ba anh em Đô Sĩ là người như thế nào, quân ân đội nặng thế nào, mà đều quyên sinh trọn nghĩa đến như thế. Thục đáng thương thay”. Lập tức phong cả ba anh em làm Đại

Vương, sai lễ quan lên Hương Lan tế bái, và truyền cho dân thôn xóm phải lập miếu thờ.

TRUYỆN THỨ HAI MƯƠI BA

DƯA HẦU

Về đời Hùng Vương có viên quan tên là Mai An Tiêm vốn người ngoại quốc, khi lên 8 tuổi vua mua từ thương thuyền về làm nô bộc.

Kịp tới khi lớn lên diện mạo đoan chính, nhớ thuộc sự vật, vua ban tên là Mai Yển hiệu là An Tiêm. Lại ban cho một người thiếp. Tiêm sinh hạ được một trai một gái. Vua rất tin yêu, giao cho công việc, dần dần trở nên phú quý, bổng lộc rất nhiều. Về sau Tiêm đâm ra kiêu căng ngạo mạn, thường nói rằng: “Đó là do tiền thân của ta, không phải do ơn chúa”.

Vua nghe nói cả giận, phán:

- Làm thần tử của người mà kiêu căng ngạo mạn, không biết ơn chúa, lại nói là do tiền thân. Nay đưa nhà ngươi ra một nơi hoang vu không có ai, ở giữa bể, xem còn có tiền thân nữa không.

Bèn đẩy ra ngoài cửa bể Nga Sơn (còn gọi là Giáp Sơn)bốn bề toàn cát trắng và nước, ban cho một số lương thực đủ ăn bốn năm tháng, để cho ăn hết thì chết. Vợ Tiêm than khóc, Tiên cười mà bảo : “Trời đã sinh ra ta tất nuôi nổi ta, sống chết bởi Trời, ta đâu có sợ, nàng cũng không cần lo lắng nữa”.

Bỗng thấy một con bạch trĩ từ phương tây bay lại đậu ở đầu núi kêu lên ba bốn tiếng, hạt dưa theo tiếng kêu mà rơi xuống cát. Ít lâu sau hạt nảy mầm mọc lên xanh rì, rồi kết thành quả. An Tiêm mừng rỡ mà nói: “Đây không phải vật lạ, mà là Trời cho để nuôi ta đó”. Bèn bỏ ra ăn, thấy vị thơm ngon tinh thần sảng khoái, mới giữ lấy hạt, năm sau đem trồng. Ăn không hết lại đem đổi lấy gạo muối nuôi vợ con. Tiêm không biết gọi là quả gì, nhưng vì thấy chim bạch trĩ từ phương tây bay lại, nên đặt tên quả ấy là quả tây qua. Phường chài, phường buôn ăn quả tây qua đều khen ngon. Những người ở thôn xóm xa đều mua để lấy giống. Sau Vua nhớ tới Tiêm, sai người đi dò xem còn sống hay đã chết. Người đó về tâu lại với vua là vợ chồng con cái An Tiêm vẫn khỏe mạnh, đảo trồng toàn dưa, thuyền bè lui tới vui vẻ. Vua thở dài mà than rằng: “Hắn nói là do ở tiền thân, điều đó thực không ngoa”. Bèn xuống chiếu cho gọi về phục chức cũ, lại cấp cho nô bộc, sai đem giống dưa hấu dạy dân cách trồng trọt. Vì vậy, nhiều làng hai bên bờ sông Lô biết trồng thứ quả quý này.

Lịch số thay đổi, vạc báu chuyển từ nhà Hùng sang nhà Thục, nhà Thục sang nhà Triệu. Cuối đời nhà Triệu, năm Nguyên đỉnh thứ 6, nhà Hán sai Lộ Bác Đức đem quân đánh chiếm nước Nam Việt(1). Thừa tướng Lữ Gia và các hào kiệt bộ Văn Lang lập đồn trại ở núi Long Động (2) chống với Lộ Bác Đức. Nghĩa quân đánh trận ở Bạch Hạc, đi qua làng Đôn Mục(3) đang lúc mùa hè khát nước, dân đem dưa hấu cho ăn. Làng này vốn được giống dưa hấu của An Tiêm truyền đến, mà

thổ ngơi ở đây dưa ngon không kém gì dưa trồng ở đảo Nga Sơn.

Do sự tích này mà làng Đôn Mục thờ ông Lữ Gia, ngày cầu mỗi nhà đem ra đình một mâm xôi trên đặt quả dưa hấu, để cúng tế. Hèm đó nhắc lại việc dân tặng dưa hấu cho nghĩa quân Lữ Gia hồi cuối thế kỷ II trước công nguyên.

*Theo sách Lĩnh Nam trích quái
và truyền thuyết địa phương*

(1) Năm Nguyên đĩnh thứ 6 đời Hán Vũ Đế, theo Tây lịch là năm 111 trước công nguyên - Cuộc kháng chiến của Lữ Gia kéo dài từ năm 111 đến 98 TCN

(2) Núi Long Động chạy từ Phan Lương tới Bạch Lưu qua xã Quang Yên (Lập Thạch Vĩnh Phúc).

(3) Đôn Mục thuộc xã Đôn Nhân (Lập Thạch).

PHẦN II

TRUYỆN THUYẾT CÁC THỜI ĐẠI SAU

TRUYỆN THỨ HAI MƯƠI BỐN.

THẦN NÚI LONG ĐỘNG

Thần núi Long Động (làng Bạch Lưu Lập Thạch) họ Lữ tên Gia. Lữ Gia quê ở Châu Hoan(Thanh Hóa). Cha mẹ mất sớm nhà nghèo, Gia phải ở với cậu là Trương Công Đạm làm nghề bơi đò ở bến Vũ Ninh (Hà Bắc). Ông cậu bị tên Thái thú Đào Trinh Hoan sát hại. Gia tìm thầy học võ để báo thù cho cậu. Gia vào Châu Ô (Quảng Bình) được quan Lạc tướng Hùng Bảo cháu bốn đời vua Hùng Duệ Vương giúp đỡ. Thấy chàng khôi ngô tuấn tú có tài trí, Hùng Công liền gả hai con gái cho, tức là hai nàng Lầu Bảo Hoa và Nhi Bảo Hoa.

Lữ Gia được bố vợ cấp cho ba trăm quân mã, bắt sống thái thú tội. Việc báo thù cho cậu vừa xong thì gặp lúc vua nhà Triệu là Văn Lương yết bảng kén người hiền tài. Gia thi đỗ cả văn lẫn võ, được làm quan thăng dần tới chức thừa tướng.

Năm 111 trước công nguyên, Nhà Hán sai Lộ Bác Đức cử binh đánh tan triều đình nhà Triệu, Lữ Gia bỏ Phiên Ngung chạy về đất Văn Lang, hợp lực với các thổ hào Trần Kiệt, Phạm Thông, Đinh Tuấn, Nguyễn

Đức lập căn cứ ở núi Long Động(Quang Yên Lập Thạch)chống quân Hán.

Lữ Gia đánh với Lộ Bác Đức trên 40 trận quanh vùng Bạch Hạc, nhiều lần thắng lớn, mở trâu khao quân ở Hải Lựu.

Lộ Bác Đức lo sợ, dùng kế cho tướng Chu Năng là người Việt trá hàng rồi đánh tập hậu. Lữ Gia bị bất ngờ giặc vây chém đứt đầu. Ông ngồi trên mình ngựa nhặt đầu buộc vào cổ lại tiếp tục đánh. Ngựa phi đến Thôn Lã Chỉ gặp bà hàng nước bên đường, ông hỏi:

- Người ta bị đứt đầu còn sống được không ?

Bà hàng nước trả lời: “Không sống được”. Dứt câu ông ngã ngựa hóa ngay. Con chó ngao trung thành với chủ lúc nào cũng theo sát, cầm đầu ông về Long Động. Hai bà Lầu Bảo và Nhị Bảo chỉ huy quân thủy đóng đồn ở bên Hạ Nha (An Đạo Phù Ninh) bị giặc tràn tới bao vây. Lúc đầu giặc còn ít, quân ta đánh giết được mấy trăm tên, sau chúng kéo đến đông như kiến cỏ. Hai bà kêu to :

- Tướng quân ở đâu không lại cứu, để bọn thiếp khốn khổ thế này.

Vừa kêu xong thì một đoàn thần binh âm âm kéo đến lơ lửng trên không phóng lao bắn kích vào đầu quân Hán. Hai bà nhìn lên trời thấy chồng cưỡi ngựa đi lại trong mây nhỏ nước mắt buông xuống dải lụa mắc vào cành gạo để bốn chữ: “Phục ần thánh thần”, biết là bị hại. Hai bà xung sát một hồi chém được vài tên giặc, rồi cùng nhảy xuống sông tự vẫn.

Dân Thượng Hạ Nha vớt lên thi thể Hai Bà mai táng và lập miếu thờ. Các làng bên cạnh cũng lập miếu

thờ Hai Bà và ba người nữ binh hầu cận.

Còn thừa tướng Lữ Gia thì chỗ nào có lưu tích đều lập miếu thờ như Long Động, Hải Lựu, Nhân Mục, Phương Khoan, Trảng Đông, Trảng Nam v.v...

Hai năm sau kể từ khi Lữ Công hiển thánh, vào giờ Dậu ngày mồng 3 tháng giêng năm Quý mùi (trước thiên chúa giáng sinh 97 năm), nhân dân Trảng Đông, Trảng Nam làng Lâu Thượng thấy Lữ Công và quân lính trở về đồn sở cũ của mình ở Gò Hào. Dân làng kéo nhau đến bái kiến. Công hỏi thăm phụ lão trong làng còn ai mất, mùa màng lúa má ra sao, cá mú ao đầm có nhiều không. Phụ lão thay phiên nhau trả lời đi ngắm nghĩa phong cảnh một hồi, Công bảo mọi người ngồi xuống. Bấy giờ mới nói:

- Ta đã hiển thần rồi, có còn sống nữa đâu. Hôm nay ta về thăm sở cũ thôi. Gặp nhau thế này là tốt rồi tình nghĩa trước sau như một. Lát nữa binh mã của Thánh Tản Viên cũng đến. Ngài là bậc chí thánh, họ quốc tể dân không việc gì mà ngại.

Dân nghe vậy thì sợ hãi cúi đầu không dám nhìn nữa. Nháy mắt sau thì một đoàn binh mã kéo đến cùng ngồi trò chuyện như người còn sống. Tản Viên và Lữ Công đi đi lại lại vài ba lần bàn bạc điều gì đó. Rồi tất cả cùng bay vút lên trời.

Bãi đất trống hoang chỉ còn mấy chục người dân Trảng Đông Trảng Nam ngồi lại với nhau. Bấy giờ mới dám ngẩng đầu lên. Ai nấy đều sợ run nhong nhóc. Lần đầu tiên trong đời được thấy thánh thần hiển hiện.

Vào thời nhà Trần, năm Giáp Thân (Tây lịch 1258) vua Nguyên sai con là Thoát Hoan đem 50 vạn

quân đánh vào nước ta, nói phao là 80 vạn. Kinh thành Thăng Long bị hãm. Vua sai Hưng Đạo Vương cầu đảo bách thần hộ quốc.

Lúc ấy tướng giữ phòng tuyến sông Lô là Trần Nhật Duật đón đánh quân Nguyên ở trại Thu Vật (Tuyên Quang), không lợi phải rút lui về Bạch Hạc. Quân Nguyên truy đuổi rất gấp. Đến Phan Lương thì bất thành linh quân hương dũng của ta từ trong núi Long Động đổ ra đánh giết. Nhật Duật thấy vậy cho là quân của thổ hào địa phương muốn lập công với triều đình, cũng quay binh lại hiệp lực. Quân Nguyên tưởng bị trúng kế mai phục của ta, hoảng loạn chạy bán sống bán chết sang mé sông Thao. Quân ta thừa thắng đuổi theo dồn địch xuống quá Bạch Hạc.

Khi thu quân đóng trại xong, Trần Nhật Duật sai một viên tướng lên Phan Lương tìm người thủ lĩnh của đạo dân binh nọ. Viên tướng đến Bạch Lưu bất ngờ gặp một đàn hổ đen tới mấy ngàn con lũ lượt nối đuôi nhau đi lên núi Long Động. Y hoảng sợ quay đầu ngựa phóng về báo với Nhật Duật. Nhật Duật bèn cho vời phụ lão trong vùng đến hỏi. Dân thưa:

- Đây là thừa tướng Lữ Gia hiển linh hộ quốc, chứ không có thổ hào dân binh nào, cũng không phải là hổ thực.

Nhật Duật nghe xong thất kinh, sai quan trưởng sử ghi chép việc ấy vào giấy cất kỹ nơi văn phòng tứ bảo. Đến khi bình xong quân giặc Nguyên, Chiêu Văn Vương (Nhật Duật) hết sức quan tâm đồn đốc các thôn trang có miếu thờ Lữ Gia viết thần tích, thu lượm mọi truyện thần kỳ về Công, lưu lại cho đời sau. Đến Hạ

Nha đối ngạn với đền Nhân Mục. Mỗi năm vào ngày 12 tháng 5 âm lịch, làng Nhân Mục cầu Lữ Gia, thì trâu bò làng Hạ Nha lội qua sông Lô sang làng Nhân Mục. Có người thầy bói đoán là Thánh bà cuội trâu bò qua sông dự tiệc cầu Thánh Ông. Làng bàn nhau tới ngày ấy dùng thuyền bơi chải đưa hai bà qua sông, thì thấy trâu bò thôi không lội nữa.

Cũng vì việc này mà hai làng nước nghĩa với nhau

TRUYỆN THỨ HAI MƯƠI LĂM

ÁP LANG ĐẠI VƯƠNG

Bà hoàng phi Khoan Hoà vợ Vệ Dương Vương nhà Triệu là một giai nhân sắc đẹp chim sa cá lặn. Vì vậy khi Lộ Bác Đức đánh vào Phiên Ngung, triều đình nhà Triệu tan vỡ, y cố tìm hoàng phi. Biết vậy bà liền ra bến bơi thuyền chạy sang Âu Lạc náu ở chùa Quảng Hựu làng Thanh Lăng (nay thuộc Tam Đảo). Cảm ngộ đạo Phật, mến mộ cảnh chùa, bà cắt tóc đi tu làm ni sư (1).

Một đêm trăng trong gió mát, ni sư Khoan Hoà ra ngồi cổng chùa giải trí, sau đó vào trai phòng nghỉ. Nửa đêm thấy một chàng trai đầu đội mũ mào mình mặc áo lông vũ bay trên trời xuống, đến đứng cạnh giường nói:

- Đừng sợ, nàng là hoàng phi, ta là thần vịt, Ngọc Hoàng sai ta cai quản vùng này, vốn có duyên nợ, gặp nhau muộn quá.

Tĩnh dậy thấy trong người khác lạ, biết là có thai với thần vịt. Đầy năm đẻ ra một bọc năm quả trứng. Sau năm chục ngày trứng nở thành năm con trai, đều đặt tên là Chàng Vịt.

Năm Chàng Vịt đều được nuôi ăn học, lớn lên đổi tên chữ là Ấp Lang. Khi Hai Bà Trưng khởi nghĩa chống Hán, cả năm anh em đều mộ quân theo giúp. Trưng Vương phong anh cả là Ấp Lang tướng quân, anh hai là Giám sát quân vụ tướng quân, anh ba làm Quý Minh tướng quân, anh Bốn làm Điều Lương tướng quân, anh năm làm Cương Đoán tướng quân.

Lúc bấy giờ trong quân phát bệnh ghẻ lở ngứa ngáy khổ sở. Ấp Lang mộng thấy có người mách “lấy trứng vịt luộc, dùng lòng đỏ chưng lên thành cao bôi sẽ khỏi”. Ấp Lang làm theo chữa cho binh sĩ hết ghẻ lở, ai nấy vui mừng hăng hái ra trận. Họ gọi Ấp Lang là “Đại vương lòng đỏ trứng vịt”.

Ba năm sau Mã Viện đem quân sang xâm lược. Hai Bà Trưng chống đánh ở Lạng Sơn rồi phục quân ở sông Tam Kỳ đều bất lợi. Hai bà lui giữ Cẩm Khê. Trưng Vương bị tử trận. Năm anh em Ấp Lang cố xông vào cướp lại thi thể Vua Bà, nhưng giặc bắn tên như mưa, không sao tới được. Bỗng từ trên trời rơi xuống trước mặt mỗi chàng một chiếc áo lông vũ. Biết là thần Vịt giúp, năm tướng nhặt áo mặc vào người, tên bắn không thủng, giáo đâm không thấu. Nhờ vậy xông ngay lại cướp được thi thể Trưng Vương đem lên núi Hy Sơn mai táng. Quân ta tan rã tẩu tán hết.

(1) Thực ra thời bà hoàng phi Khoan Hoà và thời Hai Bà Trưng cách nhau khá xa. Ở đây chúng tôi trung thành với truyền thuyết ghi trong thần tích.

Năm anh em cô thế, đưa nhau về quê bày tiệc ăn uống với dân, rồi tự vẫn tại xứ Cổ Lộng, mỗi đắp thành gò mộ. Dân lập miếu thờ bà mẹ và năm tướng Ấp Lang.

Đời nhà Trần, vua Nhân Tông hành quân qua nghỉ đêm trong đền. Đêm mộng thấy bà mẹ và năm người con mũ áo chỉnh tề đến trước mặt vua xin theo giúp, nói xong bay thẳng lên trời. Vua tiến đánh quân Nguyên ở cửa sông Bạch Đằng, lúc nào cũng thấy một đám mây vàng lơ lửng trên đầu, biết là thần ngầm bảo hộ. Trở về phong bà mẹ là Quốc Mẫu và năm tướng Ấp Lang đều là Đại Vương, cấp tiền bạc cho nhân dân sửa đền, ghi vào điển lệ.

Đến đời vua Trần Dụ Tông, gặp năm nắng hạn mùa màng khô cháy, vua sai thiến sư Uy Tĩnh vào đền đảo vũ được mưa ngay. Vua cho đem gạo trắng trộn xanh đến lễ tạ. Cúng xong gạo biến thành đen kịt. Vua cho là linh ứng, phong cả sáu vị làm “Thượng đẳng phúc thần”. Riêng ông Điều Lương đại vương đổi duệ hiệu là Ô Mễ đại vương (Ô mễ : gạo đen).

TRUYỆN THỨ HAI MƯƠI SÁU

CÂY NGÔ ĐỒNG

Ở ngã ba sông Việt Trì có giống cá Anh Vũ là một đặc sản, vị ngon đứng đầu cá nước ngọt. Thoạt trông gần giống cá trắm, nhưng vảy óng ánh xanh, mồm đỏ

môi đầy cong như mỏ vịt (vì vậy gọi là Anh Vũ):

Cá chỉ xuất hiện và đánh bắt được vào mùa đông rét đậm sương mù, các mùa nóng ẩm một con cũng không có. Thời nhà Lê, quan bồi tụng Lê Quý Đôn (gần như phó tể tướng) đi kinh lý qua Việt Trì, nghe dân nói chuyện cá mú lấy làm lạ, mới cho triệu các bậc kỳ lão đến để hỏi. Kỳ lão thưa rằng: “Ngày xưa ngày xưa ở Việt Trì có một cây ngô đồng đã sống mấy nghìn năm cao to ngất trời, có người gọi là cây chiên đàn, không thấy ra hoa kết trái. Trên cây có giống hạc trắng làm tổ, nên xứ này còn gọi là Bạch Hạc. Vào đời Vua Hùng thứ 18, không biết từ đâu đến một con yêu hạc đuổi đàn hạc trắng đi mà chiếm chỗ. Con tinh hạc này sải cánh trông như một đám mây. Hàng ngày nó bay lượn trên cánh đồng, hễ thấy người đi lẻ là xà xuống tha về cây chiên đàn ăn thịt, xương chất đầy gốc cây. Nhiều thợ săn giỏi đem nỏ cứng mũi tên đồng tẩm thuốc độc đến định bắn nó, đều bị nó quật chết. Vua Hùng lo ngại treo giải rất hậu cho người nào trừ được yêu hạc, nhưng ai cũng sợ không dám đụng đến nó. Bỗng có một ông già không rõ người ở xứ nào, chẳng cần hỏi đến giải của nhà vua, tự xông vào gốc cây dụ hạc ác xuống đánh. Ông già lừa nó lại chỗ giấu sẵn chiếc câu liêm, rồi đưa câu liêm lên giật đứt cổ hạc. Giết xong yêu hạc thì ông già cũng biến mất luôn. Dân chúng đồn đại là Long Quân về giúp. Từ khi con tinh hạc bị diệt, đàn hạc trắng hiển linh cũ lại về đậu sinh sôi nảy nở.

Vào đời nhà Đường làm vua nước Tầu, cây ngô đồng đổi lộc, lá vàng vay theo gió bắc sang tận cung

điện nhà vua. Vua Tầu cầm chiếc lá lạ hỏi sứ giả nước ta, sứ ta tâu bày thực tình. Vua Tầu biết là linh khí, bèn sai Lý Bạch sang yểm triệt. Lý Bạch cầm đạo bùa lên ngựa đi ba tháng đến Việt Trì. Ông ta trông thấy cây ngô đồng linh dị mọc ngay cạnh cung cũ của Vua Hùng thì khiếp sợ tóc gáy dựng ngược. Ngẩng nhìn vòm cây, thấy có đàn hạc trắng đông mấy nghìn con nhỏ li ti như hạt cơm đậu ở cành nam. Ông ta run không dám dấn lá bùa, bèn làm quen với bà hàng nước, dò la các phong tục của dân Lạc Việt. Bà hàng nước vui mừng kể cho ông ta nghe về hội đền Hùng Vương. Lý Bạch nghe xong đem lá bùa ra chấm lại ngày sát tử, rồi nói: “Vua Tầu sai tôi sang đây dán tờ giấy này lên cây ngô đồng. Tôi không ở lại đợi lâu được. Vậy thuê bà trăm quan tiền, đúng ngày mồng mười tháng ba thì đem tờ giấy dán lên cây”. Bà hàng nước thấy được số tiền to quá nhận lời ngay, bọc tiền vào thắt lưng, cài chiếc ống đựng bùa lên mái nhà. Lý Bạch dặn bà hàng phải giữ kín chuyện đừng tiết lộ cho ai biết, rồi ông ta lên ngựa trở về Tầu.

Lý Bạch đi được mười hôm thì bà hàng nước sực nhớ đến công việc, nhưng quên mất ngày dặn. Lúc đó mới là đầu tháng ba, bà ta cứ đem tờ giấy dán đại lên gốc cây ngô đồng. Một lúc sau thì cây ngô đồng rung chuyển đổ trốc rễ, một cánh bay theo đà chết Lý Bạch ở giữa đường. Gốc ngô đồng cắm sâu xuống lòng đất rễ ăn thông sang tận cửa sông bên Trung Quốc. Lâu ngày rễ mọc làm thành một đường hang nối ngã ba Việt Trì với cửa sông đó. Vì vậy mùa đông giá rét của nước ta hợp với khí hậu phương bắc, cá Anh Vũ từ bên

sông Trung Quốc theo đường hang sang sông Việt Trì kiếm ăn, hết rét lại về không còn con nào ở lại.

Nghe xong câu chuyện, quan Bồi Tụng lấy ngay giấy bút ghi lại. Về nhà ông viết vào cuốn "Vân đài loại ngữ" lưu truyền sự lạ kỳ cho đời sau.

TRUYỆN THỨ HAI MƯƠI BẢY

THƠ THẦN

Vào đời vua Lý Nhân Tông, nhà Tống sửa soạn tiến binh xâm lược nước ta. Vua còn nhỏ tuổi (lên 7), công việc triều chính đều giao cho thái úy Lý Thường Kiệt, gọi là phụ quốc. Phụ quốc thái úy Lý Thường Kiệt đi xem xét địa thế các nơi trong nước. Ông sai chèo thuyền đi ngược sông Cái xem xét, trừ tính kế hoạch phòng bị các con đường thủy bộ từ Vân Nam sang Thăng Long. Thấy cửa sông Đà là nơi yếu địa, ông rẽ vào đến Đào Xá (Tam Thanh) nghỉ đỗ để khảo sát xung quanh. Bước vào thềm đền bị hai rắn thần chằng ngang cửa đền ngăn lại. Thường Kiệt mặt khẩn xin cho quân vua vào đóng trong đền, hai rắn đều lui.

Thái úy sai quân mời bô lão trong làng ra hỏi, được biết: "Đền thờ Đức Hải Công, con thứ 19 của lạc Long Quân, Hải Công sinh ra ba vị đầu rồng mình rắn. Thấy dân bị các tai nạn do thường luồng giải độc hãm hại, Đức Hải Công sai ba con đi đánh dẹp, rồi phong cho ông Đạt Linh Lang làm chủ ở đầm Thợ Xuyên, ông

Uyên Linh Lang làm chủ ở ghềnh Ngọc Tháp”.

Lý Thường Kiệt bèn sai quân sắm sửa lễ vật, đốt hương cầu đảo, xin thần linh hộ quốc. Lễ bái xong ông cho tướng sĩ rút về doanh trại hết, chỉ còn một mình ông nằm cầu mộng trong đền. Đêm ấy nổi mưa to gió lớn, trong mưa giông có ba chiếc thuyền rồng lướt trên đầm Đào Xá đến trước cửa đền. Ba ông quan tướng mũ áo chỉnh tề bước từ thuyền lên bộ vào đền. Thường Kiệt đốt hương quỳ lạy.

Ông đi giữa nói:

- Phụ thân ta sai ban cho nhà ngươi bài thơ, hãy lấy giấy bút ra ghi. Phụ thân ta nói thơ này làm vội cốt đủ ý tứ. Nếu nhà ngươi có tài văn học thì sửa gọt lại, rồi loa truyền cho ba quân và cả người Tống cùng nghe. Làm như thế thì việc đuổi giặc sẽ dễ như chẻ tre vậy.

Thường Kiệt vội lấy ngay giấy bút, mài mực châu mực. Ông bèn tả lấy cuộn giấy trong ống tay áo dỡ ra đọc:

Nam thiên dĩ định đế nam quân
Đại đức giai do đức nhật tân
Thất quận sơn hà đô nhất thống
Tống binh bất miễn tán như vân.

Đọc xong ba ông quay ra ngay, xuống thuyền lướt ra giữa đầm. Thường Kiệt đứng ở thềm chấp tay, nhìn theo cho đến khi đoàn thuyền biến mất. Lát sau giông tố tan dần, trăng tròn vành vạnh đỉnh đầu, mặt hồ sáng như gương.

Thái úy cho gọi các tướng lại hỏi:

- Vừa qua các ngươi có thấy sự gì trong lúc mưa bão không?

Chúng tướng đều noi là từ chập tối đến giờ trời vẫn lặng yên, trăng sáng tỏ, không hề thấy có mưa bão gì. Thái Uý bảo họ ra xem quanh đến, thì đúng là vừa có mưa rào. Người vệ sĩ đứng gác cách đến hai chục bước chân, nói rằng mưa gió mù mịt chỉ trong một giải từ đầm vào đến. Chỗ anh ta đứng cũng không ướt. Thái uý kể lại đầu đuôi sự việc rồi đem thơ thần ra đọc cho nghe, dịch là:

Trời Nam đã định vua Nam ta
Đức lớn ngày thêm đức mới ra
Bảy quận non sông về một mối
Tống binh tan tác tựa mây sa.

Chúng tướng đều kêu là linh dị và có ý mừng. Thùong Kiệt dặn dò phải giữ kín chuyện này để dùng vào mẹo lớn. Sau ông ngẫm nghĩ mỗi ngày gọt rũa thêm một vài chữ. Cuối cùng bài thơ được viết lại là:

Nam quốc sơn hà, Nam đế cư
Tiệt nhiên định phận tại thiên thư
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư.

Nghĩa là: Sông núi nước Nam, vua Nam ở
Rành rành định mệnh ở sách trời
Cớ sao lũ giặc giám xâm phạm
Chúng bay sẽ thất bại tới bờ.

Cuối năm 1076, nhà Tống phát 30 vạn quân do tướng Quách Quỳ chỉ huy, tiến đến phòng tuyến sông Cầu thì dừng lại, hai bên đối lữ. Lý Thường Kiệt cho đem bài thơ vào đến Tam Giang ở bến đò Như Nguyệt đọc to lên. Quả nhiên quân Tống khiếp sợ, Quách Quỳ vội xin giảng hoà, rút chạy về nước đúng như thần bảo.

THẦN NÚI THIẾT SƠN

Thần núi Thiết sơn(Quang Yên - Lập Thạch) tên là Lê Văn Thịnh. Ông người xã Đông Cửu (Gia Định, Hà Bắc)đỗ thám hoa đời vua Lý Nhân Tông, từng đi sứ sang nước Tống, biện luận đòi được sáu động biên giới, đời khen là giỏi. Lê Văn Thịnh làm quan thăng tới chức thái sư.

Lê Văn Thịnh bị tội đáng phải giết, nhưng vua thương tình là thầy học cũ nên tha chết, bắt đầy lên trại đầu nguồn sông Lô (tức Quang Yên). Dù bị lưu đầy nhưng Lê Văn Thịnh vẫn sống khoáng đạt. Ông ra sức khai hoang sinh cơ lập nghiệp trang ấp mấy trăm mẫu. Ông lấy vợ người Quang Yên, mồ mả, đền thờ, dòng họ vẫn còn.

Sử cũ chép về Lê Văn Thịnh đầy lý kỳ huyền ảo. Nhân buổi trời thu mát mẻ, vua thấy trong người khoan khoái, mới truyền sai phò mã chài lưới đánh cá Hồ Tây cho vua xem. Trăm quan và mỹ nữ cung tần đi mấy chiếc thuyền rồng theo hầu. Những con cá trắm, chép, trôi to bằng chiếc mo cau vẩy bạc óng ánh quẫy loăng ngoăng trong vòng lưới, trông đến là thích mắt. Đoàn thuyền dần dần xa bờ đến tận giữa hồ.

Bỗng xuất hiện một đám mây đen lớn là sát mặt nước, lướt lại phía thuyền vua. Trong đám mây có tiếng dầm thuyền lách cách. Vua nghi ngờ, bèn cầm ngọn giáo của tên lính hầu lao vào đám mây. Mây tan dần

hiện ra trong thuyền có con hổ lớn nhe nanh múa vuốt, ý muốn vồ vua. Trăm quan cuống quýt, cung tần mỹ nữ sợ mặt tái xanh. Thấy nguy cấp đến nơi, người đánh cá là Mục Thận vội vàng lao thuyền tới, quăng chài trùm lên con hổ. Lốt hổ biến dần hiện ra nguyên hình thái sư Lê Văn Thịnh. Triều đình kết tội Văn Thịnh dùng tà thuật định hại vua cướp ngôi.

Lê Văn Thịnh bị đầy, nhưng mỗi năm phải về kinh châu một lần, vì vậy ông bèn nghĩ cách lánh vua.

Núi Thiết Sơn có nhiều hang đá hổ thường đến ở. Văn Thịnh nặn bù nhìn rơm mặc áo quần như người, đem vào để trong hang ổ. Hổ đi kiếm mồi về thấy hang có người thì xông lại vồ xé. Hôm sau ông lại đem bù nhìn khác vào thay. Hổ vồ mãi toàn bị lừa sinh chán, thấy cũng mặc kệ. Văn Thịnh biết vậy liền đứng vào chỗ bù nhìn, đợi hổ đi qua chém đứt mảnh khẩu đuôi, hổ đau kêu rống chạy miết vào núi sâu. Văn Thịnh lấy máu hổ bôi vào hai đầu gối ngoem nguếch về châu vua, làm vua kinh sợ bảo thôi không cho vào châu nữa.

TRUYỆN THỨ HAI MƯƠI CHÍN

BẢY ANH EM HỌ LỖ

Ở vùng Vinh Yên có tới sáu ngôi đình thờ bảy vị thần họ Lỗ. Sự tích như sau:

Vào thời nhà Trần, ở miền Bồ Lý có gia đình ông Lỗ Huy Trọng làm nghề chữa thuốc nam. Một hôm

ông Trọng vào núi Tam Đảo hái thuốc, gặp một cụ già xưng là tiên ông Lão Du. Cụ bảo:

- Nhà ngươi ăn ở phúc đức, ta muốn giúp cho. Hãy đem hài cốt bố để đặt vào chỗ cây gậy trúc ta cắm kia kia.

Lỗ Trọng làm theo lời Lão Du. Sau đó bà vợ ông đẻ ra một bọc thứ nhất ba con trai, bọc thứ hai cũng ba con trai và bọc thứ ba có một con gái. ông bà đặt tên là Lỗ Văn Cường, Lỗ Văn Dũng, Lỗ Văn Mầu, Lỗ Văn Dục, Lỗ Văn Dài và Lỗ Thị Bấy.

Lỗ Trọng mất, bà vợ tiếp tục nghề của chồng vào núi hái thuốc. Lão Du lại xuất hiện, cũng nói nhà có phúc cụ muốn giúp cho phát tích và đưa cho bà hạt dưa giống, dặn bao giờ dưa ra quả phải trông nom, chín kỹ mới được cho con ăn. Bà Trọng đem hạt dưa dùi xuống gốc vườn, rồi bận việc tần tảo nuôi con không để ý đến nữa. Dưa dưa ra được một quả khá to. Nhân buổi mẹ đi chợ, bảy anh em hái bỏ ra ăn, phần mẹ một miếng. Chiều về các con đưa mẹ miếng dưa, bà mới sực nhớ lời dặn của tiên ông, nhưng cũng chỉ phàn nàn qua loa không biết đó là điều tai hại.

Bảy anh em lớn lên đều khoẻ mạnh, nổi tướng tài. Họ nghe thái sư Trần Thủ Độ giết hại tôn thất nhà Lý, lấy làm bất bình. Số là vua cuối cùng nhà Lý là Lý Huệ Tông không có con trai, hết sức buồn bã mắc bệnh tâm thần, uống rượu say mê ngủ li bì, tỉnh dậy múa gươm, bỏ bễ cả việc triều chính. Cuối cùng nhà vua nhường ngôi cho con gái là Lý Chiêu Hoàng. Trần Thủ Độ lập mưu cho Chiêu Hoàng lấy cháu mình là Trần Cảnh, rồi nhường ngôi cho chồng, lập ra nhà Trần (năm 1208).

Vua Huệ Tông xuất gia tu ở chùa Chân Giáo. Thủ Độ đi qua thấy vua ngồi nhỏ cở ở sân chùa nói bóng “nhỏ cở phải nhỏ cả rể”. Vua biết Độ muốn giết mình, bèn thất cổ. Thấy dân kinh thành tỏ lòng thương nhớ nhà Lý, Thủ Độ lại lập kế đợi ngày tôn tộc họ Lý về làm giỗ Tổ ở thôn Thái Đường, ngầm sai lính mai phục giật đổ miếu giết chết tất cả.

Anh em họ Lữ muốn vì nhà Lý mà báo thù, bèn chiêu binh tập mã đánh nhau với Trần Thủ Độ trên hai mươi trận chưa phân thắng bại. Họ tạm rút về Hán Nữ lập đồn trại mộ quân tích lương chờ đánh tiếp.

Một buổi bầy anh em ngồi trong trường bàn mưu kế thì tiên ông Lão Du xuất hiện bảo.

- Lẽ ra anh em người được nước, nhưng ăn dứa non hỏng mất rồi. Bởi vậy số nhà Trần lại vượng. Nay giặc đã vào cõi, anh em người nên quay giáo đánh giặc phò vua, thế là tiện nhất.

Nói xong hoá thành luồng gió bay đi, không kịp hỏi thêm. Bầy anh em cả sợ, bàn nhau viết biểu đem về triều nói rõ tình ý, xin quy phụ triều đình, cùng quân vua chống giặc Thát đạt. Vua Trần Thái Tông mừng lắm, sai sứ mang sắc phong ngay bầy anh em làm tướng cho quân lính luôn quân bản bộ.

Nhận sắc phong, các tướng cho mổ lợn gà đặt tiệc làm lễ tế cờ. Lợn gà còn đang luộc chưa chín thì lại có sứ mang chiếu chỉ của vua giục ra trận ngay, quân Nguyên đã tràn về tới Bạch Hạc. Các tướng phải cho quân thái thịt chín dở dang cúng tế rồi ăn uống vội vàng để lên đường. Ra đến Bạch Hạc gặp địch giao chiến ngay. Quân Nguyên thua to, chạy bạt mạng lên

phía Phù Ninh. Các tướng đánh trước sau hai mươi bốn trận đều thắng cả. Giặc lùi xa dần, thế nước vững như bàn thạch. Quân họ Lỗ tạm về căn cứ nghỉ ngơi.

Vua sai sứ cầm chiếu lên Hán Nữ triệu bầy anh em họ Lỗ về triều cho làm quan. Họ viết biểu nhờ sứ dâng lên nhà vua, nói rõ không muốn làm quan dưới trướng thái sư Trần Thủ Độ, xin vua cho được ở lại quê quán cày ruộng, làm ăn. Nhà vua còn do dự phân vân tính kế, nếu để cho 7 dũng tướng hùng cứ một phương thì ngại họ làm loạn, mà đòi về kinh thì e thái sư ác tâm sẽ hãm hại kẻ trung quân ái quốc. Bởi vậy chưa đưa ra quyết định nào, tạm thời ban cho lương thực, tiền bạc chi dùng. Một buổi sáng cả bầy anh em cưỡi ngựa lên núi Hán Nữ ngắm xem địa thế, gặp tiên ông Lão Du đứng đợi bảo:

- Giặc tan rồi, bây giờ nhàn nhã ta dẫn anh em người đi xem vườn Tiên Uyển, cầu Đái Tuyết, am Dưỡng Phong và Thang Bộ Vân, đều là cảnh bồng lai nơi trần thế cả.

Bầy anh em cứ thế đi theo tiên ông dẫn đường.

Quân sĩ đợi đến chiều tối không thấy các chủ tướng về, mới bủa lên núi đi tìm. Thì ra cả bầy vị và bầy con ngựa đều hoá một chỗ, mỗi đang đắp mộ. Quân sĩ vội cấp báo về triều đình. Vua Trần Thái Tông hạ chiếu cho dân lập miếu thờ, phong là:

Đệ nhất Lỗ Đình Sơn Cao chính đại vương

Đệ nhị Lỗ Đình Sơn Quyền minh đại vương

Đệ tam Lỗ Đình Sơn Uy linh đại vương

Đệ ngũ Lỗ Đình Sơn Cường địch đại vương

Đệ lục Lỗ Đình Sơn Thừa tuyên đại vương

Đệ thất Lỗ Đình Sơn Thống chế năng đại vương

TRUYỆN THỨ BA MƯƠI

MA Y THẦN KIỂM

Tả tướng quốc triều Hậu Lê huý Trần Nguyên Hãn, là con Trần Ấn, cháu bảy đời thái sư Trần Quang Khải (Quang Khải là con vua Trần Thái Tông). Xuất thân quý tộc nhưng đến đời cha mẹ Nguyên Hãn thì gặp biến loạn Hồ Quý Ly gia cảnh sa sút, lên ở Đa Cai (Sơn Đông Lập Thạch) làm nghề ép dầu thấp. Nguyên Hãn thường gánh dầu đi bán ở chợ Bầu Sao.

Thời kỳ này nước ta bị nhà Minh đô hộ, bọn tướng đóng ở Bạch Hạc thường hay dở trò bắn cung khoe tài. Nhân dân đi chợ đứng xem đông nghịt. Nguyên Hãn đặt gánh dầu xuống nói to

- Đây là trò trẻ con có gì đáng gọi là tài.

Tên tướng Minh tức tối ấn vào tay Hãn chiếc cung bắt phải bắn trúng đích, không sẽ chém. Hãn nói:

- Chẳng qua là quen tay thôi. Như tôi đây rót dầu vào miệng chai cũng vậy, không hề vãi tí nào, các công không rót quen thì cho tôi là tài chứ gì ?

Tên tướng Minh sai lính đem ra chục cái chai bảo Hãn rót thử. Ông lấy gáo múc dầu trong sải ra nhằm đúng miệng chai rót không chệch giọt nào. Lũ quân tướng nhà Minh cười hô hố. Người xem khen tài rồi rít. Nhân đó ông bảo bà con ta nên đi về, việc bắn cung cũng là quen tay, rất tầm thường, không có gì đáng

tàng bốc lủ giặc cả.

Thần Bạch Hạc Tam Giang là em trai Vua Hùng làm tướng có công, được quản lĩnh khúc sông Bạch Hạc đời đời hưởng lễ. Thần nghe chuyện biết Hãn là người trung với nước, bèn bảo cho biết mệnh trời. Nguyên Hãn đang đi bỗng đứng buồn ngủ rũ rượi, cường không nổi. Ông rẽ vào đến thần Tam Giang đặt gánh dầu, nằm lăn ra bệ gạch trước ban thờ làm một giấc. Hãn thấy thần ngồi trên ngai áo mũ chỉnh tề, mặt đỏ như quả táo chín, vội đứng dậy vái chào. Thần nói:

- Ta vừa gặp Đức Thánh Tản Viên đi châu trên thiên đình về, đọc trộm được châu phê của Ngọc Hoàng rằng: “Trãi vi quân, Hãn vi thần, Lợi vi chúa”.

Nguyên Hãn xin cho biết rõ hơn. Thần nói:

- Châu phê của Ngọc Hoàng cho Lê Lợi làm vua nhà người làm tướng còn Nguyễn Trãi làm quân sư.

Nói xong thần giục Hãn đi ra để đóng cửa đền. Hãn vấp vào bậc cửa giật mình bừng tỉnh thì chẳng thấy gì hết. Nhìn mặt trời thì đã xế chiều, vội quấy gánh dầu về nhà. Từ đó Nguyên Hãn ghi nhớ canh cánh bên lòng. Còn thần thì luôn luôn ngậm phù trợ.

Nhà Nguyên Hãn đông miệng ăn, tiền bán dầu chỉ đủ đóng gạo, đêm đêm ông vẫn phải đi cắt vó, đơm tôm tép kiếm canh. Một buổi tối cắt vó ở bến sông Lô cá không được, chỉ có một mẩu gỗ vào vó, ném đi nó lại quần vào. Bực mình ông nhét đại vào giỏ mang về. sáng hôm au lấy ra xem thì là chiếc Chuôi Gươm. Ông nhớ đến thanh kiếm rỉ không Chuôi Nhật được ở lũng cày xứ đồng Gò Rạch, cắt trong góc ruộng, liền lấy tra thử. Lạ thay tra vào rất khít và không sao rút ra được

nữa. Tối đến thanh kiếm phát ra ánh sáng xanh trong biết là kiếm thần, ông bèn làm cái vỏ cho kiếm và cất kỹ.

Tiết thu sang tôm tép trong đồng tìm đường rút theo nước ra sông là mùa đơm tát kiếm canh rất vui. Nguyên Hãn cùng bè bạn vác đồ đi đơm. Khi thăm đó, người ta được giỏ đầy giỏ vơi, riêng ông hôm nào cũng bị kẻ gian trút sạch trơn. Cực chẳng đã, ông quyết rình bắt tên ăn trộm. Quá nửa đêm ông thấy một người lò dò đến đó của mình bốc tép ăn. Ông rảo cặng lại, bắt thành linh đề kiếm thần vào cổ hắn, khiến hai tay hắn còn mắc trong miệng đó chưa kịp rút. Thì ra nó là một con ma đói. Ma xin tha chém và đền ơn cho chiếc áo, nói rằng:

- Áo của ma mặc vào không ai trông thấy được mình. Sở dĩ ông trông thấy tôi là vì trong tay ông có thần kiếm. Mai kia ông làm tướng thì nên mặc áo này. Tôi ăn tép của ông là cũng để đợi ông trao áo, không dám nói sai.

Nguyên Hãn thấy con ma nói có lý, vì chỉ mình ông mất tép, bèn nhận lấy chiếc áo mà tha cho nó.

Được hai bảo bối ma y và thần kiếm, Trần Nguyên Hãn tìm đến Lam Sơn phò Lê Lợi, dự hội thề Lũng Nhai. Mười tám hào kiệt tôn Lê Lợi làm minh chủ dựng cờ khởi nghĩa. Nguyên Hãn đem lời Thần Bạch Hạc kể với Nguyễn Trãi. Nguyễn Trãi nói với Lê Lợi xin lấy mỡ viết lời ấy vào lá cây cho kiến đục rồi thả xuống sông ngòi. Lê Lợi khen hay, cho viết hàng vạn cái lá như vậy đợi mưa lũ đem thả. Nhân dân vùng Thanh Hoá nhặt được lá truyền nhau đọc: “Trãi vi quân, Hãn vi thần,

Lợi vi chúa "cho là sấm Trời, nô nức đi theo.

Suốt mười năm xông pha tên đạn, làm chủ tướng chỉ huy bốn chiến dịch lớn bắt sống hàng vạn quân Minh, ông không hề thua một trận nào, không bị một vết thương nào là nhờ có hai bảo bối.

Ngày 22 tháng 11 năm Đinh Mùi (1427) tại thành Đông Quan (Hà Nội) làm lễ hội thể cho tổng bình Vương Thông nhà Minh rút quân về nước. Phía bên ta Lê Lợi đứng tên đầu tiên ở tờ hoà ước, thứ hai đến Trần Nguyên Hãn. (Tất cả mười vị đầu mục).

Lê Lợi lên ngôi hoàng đế phong Trần Nguyên Hãn làm Tả tướng quốc.

Ở triều được một năm ông nhận thấy nhà vua tin dùng gian thần mà nghi kỵ trung thần. Thêm vào đó bên nhà Minh (Trung Quốc) nhiều sự, luôn sai sứ sang đòi tìm con cháu họ Trần lập làm vua. Để yên lòng Lê Thái Tổ ông xin về nghỉ hưu trí tại Sơn Đông. Thấy người nhà và bạn hữu có ý không vui, ông nói: "Vua có tướng như Câu Tiễn, chỉ có thể chung sức lúc hoạn nạn chứ không cùng hưởng phú quý được"(Câu Tiễn là vua nước Việt bị vua nước Ngô diệt, nhờ mưu thần là Văn Chủng giúp khôi phục lại ngôi vua, xong việc quay giết Văn Chủng).

Nguyên Hãn ở Sơn Đông cày ruộng(ông được cấp trăm mẫu lộc điền), mở phủ đệ làm nhiều nhà cửa, đóng thuyền, chứa binh khí , nuôi nhiều gia nhân cho tập võ nghệ để mua vui. Có kẻ cáo giác ông mưu phản. Vua Lê cho lực sĩ lên đòi ông về triều đối chất.

Trần Nguyên Hãn cùng mấy chục gia nhân xuống thuyền xuôi Thăng Long. Tới gần ngã ba sông, ông sức

nhớ chuyện cũ gặp thần Bạch Hạc, bèn khẩn “Trời trao cho tôi cùng vua sứ mệnh cứu dân. Nay nghĩa lớn đã định, vua nghe lời dèm pha hại tôi, trời đất thánh thần có thấu cho không”. Khẩn xong trời bỗng nổi cơn giông bão lật úp thuyền. Ông và 42 lực sĩ xá nhân của nhà vua sai lên áp giải đều chết đuối. Năm ấy ông ba mươi chín tuổi.

Mấy người đầy tớ theo hầu ông bơi được vào bến Đông Hồ. Họ quả quyết rằng: Lúc cơn giông nổi lên có hai con rồng đội cổ kiệu bơi lại áp mạn thuyền thoi, vua Thủy Tề đứng trong kiệu mời quan Tả tướng quốc sang để về thủy phủ. Ông vừa bước sang tới kiệu thì thuyền cũng bị lật úp luôn.

Nhân dân Đông Hồ lập đền thờ ông bên mom sông gọi là “Đền Tả tướng quốc”. Các làng Đa Cai, Phan Lãng, Đức Lễ cũng có “Đền Tả tướng quốc” Trần Nguyên Hãn.

TRUYỆN THỨ BA MƯƠI MỐT

THÂN ĐỒNG

Đời nhà Mạc, ở làng Phượng Lâu (Việt Trì) có gia đình họ Trần rất nghèo kiết, làm nghề tiểu phu (kiếm củi bán) thường gọi là ông Tiểu, sinh được một con trai đặt tên là Tuy, rất ham học. Thấy vậy vợ chồng cố gắng làm lụng nuôi con, nhưng không mua nổi giấy bút dầu đèn. Cậu bé Tuy suốt ngày lấy than viết xuống nền

nhà, mặt mũi lộ lem. Tối đến người làng đi đánh cá đêm ở ngoài đồng trước miếu thờ thánh Tản, nghe thấy tiếng trẻ học bài sang sảng giữa đồng, nhưng không sao tìm thấy người. Cứ như thế năm này qua năm khác. Một lần Tuy đi đắp đê thay bố, trông thấy quan huyện Phù Ninh đi từ phía Xóm xuống đốc phu, cậu giả vờ lười ngồi nghỉ dài. Quan sai lính gọi lại hỏi: sao không làm. Tuy thưa: vì là học trò nghèo đói khát mệt mỏi. Quan phán: “Nếu thực là học trò thì hãy đổi xem sao”. Và ra rằng: “ Quan huyện Bưởi đắp đường vòng Chanh, ngăn hồng thủy cho dân được cấy”. Tuy đáp lại: “Thằng bé Quéo lăm le bằng nhân, nợ quân vương trả được mới cam”.

(Công đường quan ở làng Bưởi, đắp đê qua làng Chanh là tên 2 thứ quả, cộng với hồng, cây nữa là 4 thứ quả. Nhà Tuy ở gò Quéo, cộng với nhân, quân, cam, cũng là 4 thứ quả).

Quan khen đối giỏi, có chí đậu bằng nhân, phò vua giúp nước. Nói xong thưởng tiền, và dặn lý trưởng Phụng Lâu từ nay miễn hắt phu phen cho nhà Tuy. Rồi quan bảo cậu: “Tiểu Tuy là người khôn khổ mặt mày gầy gò hốc hác. để ta đặt lại tên cho con là Toại. Chữ Toại có nghĩa là thoả chí ”.

Năm Toại 14 tuổi thì cha mất, bà mẹ mò cua bắt ốc nuôi con đi học.

Hai năm sau vào buổi trưa hè, bà mẹ bắt cua bị cảm nắng chết ở xứ đồng Sóc đầu làng. Khi Toại biết tin, ra đến nơi thì mới đã đắp kín chỉ còn hai bàn chân. Các cụ già bảo đó là thiên táng rất tốt, chớ đừng đến. Có ông thầy địa lý đi qua, ngắm khu đất nói rằng:

“Ngôi mộ nằm giữa ngực con bọ ngựa, quý tử làm nên rất to, nhưng tất bị mổ bụng”.

Mẹ mất, Toại tự kiếm củi đổi cơm theo học. Đêm đến người làng vẫn nghe thấy tiếng học bài giữa đồng, nhưng không phải tiếng trẻ nhỏ, mà giọng cứ vỡ dần thành tiếng người lớn, mà tìm thì không thấy. Năm 25 tuổi Trần Toại đỗ bảng nhãn khoa thi Mậu Tuất, đời vua Mạc đại chính thứ 9 (1538). Lại thay từ đây chấm dứt tiếng học bài ở giữa đồng trước miếu. Bởi thế người ta cho rằng: bảng Toại chính là Thần đồng.

(Do tích này mà những học trò sáng dạ, văn chương, ứng đối giỏi người ta cũng gọi là thần đồng).

Vua Mạc Đăng Doanh phong ông làm chánh sứ sai lên ải Nam Quan tiếp bọn tướng nhà Minh là Cừu Loan và Mao Bá Ôn. Bọn Bá Ôn dở trò chơi chữ xỉ nhục nước ta, ra câu đối rằng: “Đồng trụ chí kim đài dĩ lục” (cột đồng tới nay rêu đã xanh) ý nhắc lại sự tích cột đồng do Mã Viện dựng ở Bằng Tường sau khi đánh đổ triều đại Hai Bà Trưng cướp lại nước ta.

Bảng Toại tức giận đối lại ngay rằng: “Đằng giang tự cổ huyết do hồng”(sông Bạch Đằng từ xưa máu đỏ).

Bọn tướng Minh vừa thua về tài nghệ văn chương vừa thua về ý nghĩa đến ba lần. Là vì họ chỉ nói được một tích cột đồng. Mã Viện thắng Bà Trưng. Mà Bảng Toại nói sông Bạch Đằng là nhắc đến ba lần quân nước họ thua: Nam Hán(Hoàng Thao), Tống(Hầu Nhân Bảo), Nguyên(Ô Mã Nhi).

Cho nên họ uất quá mổ bụng ông xem gan. Truyền thuyết nói rằng mổ bụng ra thấy ruột vuông có bảy sợi lông. Mổ xong, họ lại khen ông là tiết tháo, dùng thuy

ngân ướp xác, đặt thi hài vào quan tài sứ kiến đại đồng trao trả nước ta.

Nhà Mạc đưa ông về Phụng Lâu mai táng ở xứ đồng Bờ Mương. Hai bên mộ đặt nghiên bút bằng đá và dựng đôi câu đối:

Thôn thiên can trường kinh Bắc địa

Hoành thương ngật ngật động Nam thiên

(Lời nói can đảm làm kinh sợ đất Bắc

Sự thương xót đến cùng tột, động cả trời Nam)

Lại lập văn từ thờ cùng với Khổng Tử (bài vị giữa) Mạnh Tử (bài vị bên phải thấp hơn một chữ) Trần Toại (bài vị bên trái thấp hơn hai chữ). Ý nói ông là học trò xứng đáng của thánh hiền.

Gian giữa văn từ treo tấm biển vua ban: “Hoàng triều Trần tướng công huý Toại”. Hai cột đồng trụ cổng đắp nổi đôi câu đối thần kỳ:

Bên trái: Đồng trụ chí kim đài dĩ lực.

Bên phải: Đằng giang tự cổ huyết do hồng.

Vào đời vua Thành Thái nhà Nguyễn, cụ Lê Vĩnh Điện đỗ đồng tiến sĩ, làm án sát tỉnh Hưng Hoá, đi kinh lý qua làng Phụng Lâu. Đêm trước cả làng lớn bé già trẻ ngủ mơ thấy sứ triều đình về loa truyền cho làng sửa soạn đón quan bằng nhân Trần Toại vinh quy bái tổ. Các vị chức sắc bàn nhau rằng: có lẽ lúc sống quan bằng không được đón vinh quy thì bây giờ đòi đón. Họ bèn mổ lợn đồ xôi tế tại văn từ và cho đem cờ quạt tàn lọng ra cắm hai bên vệ đường như nghinh đón.

Bất đồ quan án sát Lê Vĩnh Điện vào thăm văn từ. Các vị kỳ hào kỳ mục và bộ lão kể cho quan án nghe đầu đuôi câu chuyện. Cụ Lê Vĩnh Điện lấy làm lạ, cho

mình là hậu thân của cụ Toại chăng. Cụ bèn tặng lại đôi câu đối làm kỷ niệm:

Nhất giáp đệ nhị danh Nam triều bi bảng

Vận trùng tam thốn thiết bắc địa bằng xương.

(Tên đứng thứ hai bảng thứ nhất bia tiến sĩ nước Nam.

Vì xung đột lời nói mà sụp đổ cổng Trời nơi đất Bắc).

Có nhà nho phân biệt rằng: cụ Lê Vĩnh Điện cũng là tiến sĩ, nhưng muốn nhắc lại lệ xếp danh sách đại khoa (quy định từ đời vua Trần Thái Tông) chia làm ba giáp để phân định cao thấp: nhất giáp là ba vị trạng nguyên, bảng nhãn, thám hoa; nhị giáp gồm các vị tiến sĩ đủ điểm gọi là hoàng giáp; tam giáp gồm các vị đỗ phụ gọi là đồng tiến sĩ. Ngụ ý cụ Toại hơn mình không chỉ ở sự nghiệp, mà cả văn chương.

TRUYỆN THỨ BA MƯỜI HAI

NGÔI SAO CHIẾU MỆNH ĐỀ KIỀU

Giữa thế kỷ thứ 19 ở làng Cát Trù, tổng Điều Lương huyện Cẩm Khê có vợ chồng nhà họ Hoàng rất nghèo khổ, chuyên đi cấy thuê cấy mướn, sống trong túp lều ven đường cái. Một hôm vào lúc sắp tối có ông khách bộ hành rẽ vào hỏi ngủ nhờ. Cả nhà chỉ có chiếc chõng tre kê gian giữa và chiếc giường tre ở trong buồng mà người vợ mang thai đến tháng để đang nằm.

Lưỡng lự một lát, chủ nhà mời khách vào ngồi chõng, rồi lấy nước vối cho khách uống. Sau đó bác ta vào buồng ghé tai vợ nói nhỏ để lọt chiếc chiếu đang nằm ra trải chõng cho khách ngủ. Đêm ấy ông khách ngủ rất ngon. Gần sáng khách thức giấc thấy bác chủ nhà cứ đi ra đi vào, mới hỏi, bác ta thưa rằng vợ bác trở dạ đẻ.

Trời sáng rõ, quân lính dắt ngựa đến mời quan Thượng thư lên đường. Lúc đó dân làng mới ngăn người, thì ra ông khách trọ nhà họ Hoàng là vị Thượng thư triều Nguyễn, từ trong kinh đô Huế đi xem xét dân tình mạn Bắc hà. Vị đại thần muốn tận mắt trông thấy cảnh sống thực, tận tai nghe được lời than thở của dân, nên mới đi theo lối vi hành, không báo cho quan tỉnh huyện đón rước, không cho thiên hạ biết mình là ai. Mấy thầy tớ đi đến cửa sông Bứa vừa xế bóng chiều, mua cá của vạn Mỹ Hà nấu cơm ăn, rồi đi tiếp đến tận đầu làng Cát Trù thì tối. Ông cho lính đem đồ thô ngựa nghèo nghỉ trọ, còn mình thì tản bộ ngược bờ sông tiện đầu ngủ đấy. Thốt nhiên ông trông thấy túp lều tranh bên đường có đàn đom đóm bay lượn trên nóc như sao sa, nhìn lên bầu trời thấy ngôi tương tinh rực sáng chiếu xuống nhà này, bởi vậy mới rẽ vào cầu mộng. Trước khi đi quan dặn: “Nếu đẻ con trai thì đặt tên là Kiều”. Kiều chữ Hán nghĩa là ở nhờ, ý ngài muốn kỷ niệm việc mình đã ngủ tại túp nhà tranh vách nứa này, và đánh dấu đứa trẻ để ngắm xem sao.

Quan Thượng thư vừa đi khỏi thì bà mẹ trở dạ sinh ra Hoàng Văn Kiều. Ai cũng bảo điềm này cực tốt. Bé Kiều hay ăn chóng lớn, nuôi nấng dễ dàng, mặt mũi

ngày càng sáng sửa khôi ngô. Vận nhà có phần thay đổi, bố mẹ Kiều học được nghề nấu rượu nuôi lợn bán lãi nhiều, thôi không đi làm thuê nữa. Từ năm 14 tuổi, tự nhiên Kiều được người làng suy phục. Một nhà danh giá trong làng có con gái lớn hơn Kiều hai tuổi, nhận sẵn Kiều làm con rể. Một buổi tối mẹ Kiều nấu xong hai nồi rượu, đang đun nồi nữa thì có đàn lợn con vào xục chậu bỏng. Bà đuổi đi nó lại vào, vừa mệt vừa bực mình, bà vợ luôn chiếc đũa bếp vụt què một con, lấy cái dành úp lại. Sáng hôm sau mở dành ra thì là con lợn vàng nhìn hoa cả mắt. Vợ chồng bàn nhau chặt từng khúc lợn vàng đem bán. Trước tiên tậu ruộng đất, làm nhà to, sắm sửa đồ dùng. Sau đó dùng tiền bán lợn vàng lo chút Chánh tổng cho Kiều. Khoảng năm 1880, Hoàng Văn Kiều trở thành Chánh tổng Điều Lương, gồm 7 làng: Điều Lương, Cát Trù, Đồng Lương, Phong Vực, Thạch Đê, Văn Khúc, Yên Dưỡng, uy danh lừng lẫy.

Cuối năm 1884, quân Cần Vương của tuần phủ Nguyễn Quang Bích bị mất thành Hưng Hoá, phải rút lên đóng quân ở đình làng Tứ Mỹ, Nguyễn Quang Bích cho người đi vời Chánh tổng Hoàng Văn Kiều xuống, sai mộ quân hương dũng chống Pháp.

Tháng 7/1885 vua Hàm Nghi phong Nguyễn Quang Bích làm Lễ bộ Thượng thư Hiệp thống Bắc Kỳ quân vụ đại thần tước Thuần trung hầu, cho phép cất nhắc quan văn từ chức tham tán, quan võ từ chức đề đốc trở xuống. Nguyễn Quang Bích liền phong cho Hoàng Văn Kiều làm đề đốc, nên gọi là Đề Kiều. Khoảng năm 1890 cả hai nhà yêu nước lãnh đạo

phong trào Cần Vương ở Phú Thọ là Nguyễn Quang Bích và Nguyễn Văn Giáp đều từ trần, lực lượng dần dần tan rã. Riêng hai thủ lĩnh địa phương danh tiếng Pháp lo ngại nhất là Đê Kiêu ở núi Đọi Đền (Cẩm Khê) và Đốc Ngừ ở rừng Thục Luyện (Thanh Sơn) vẫn tiếp tục hoạt động, đánh cho quân Pháp nhiều trận thua đau. Vì vậy, chúng quyết lập mưu trừ bỏ hai ông. Một mặt chúng dùng tiền mua chuộc tên lính bất mãn trong quân Đốc Ngừ, thừa cơ lúc ông cho anh em về nhà ăn tết, lừa giết ông ở Khả Cửu. Một mặt Pháp sai Lê Hoan dùng lý trưởng Cát Trù dẫn lên núi gặp Đê Kiêu đặt điều kiện: Nếu Kiêu ra hàng thì mọi sự sẽ tốt đẹp, bằng không thì sẽ triệt hạ làng Cát Trù. Cuối cùng Đê Kiêu phải ra hàng.

Pháp rất căm Đê Kiêu, nhưng nghĩ ông ta đã ra hàng mà đem bắn thì mang tiếng, và về sau sẽ không dụ được người khác nữa, bởi vậy mới bày kế hiểm giết Đê Kiêu. Họ cho đặt đại tiệc ở trường đua ngựa Hà Nội, đón Đê Kiêu về phong chức Lãnh binh.

Hôm ấy, có đủ mặt quan văn tướng võ cả Pháp và Nam. Thống sứ Bắc Kỳ cho đưa ngựa làm vui, mời Lãnh Kiêu dự thi. Phủ thống sứ có một con ngựa ô mua ở Nước Hai Cao Bằng vẻ cao to dữ tợn, các kỵ sĩ đều không huấn luyện nổi, hễ trèo lên lưng nó là bị hất xuống cắn đá kinh khủng. Thống sứ sai người dẫn ngựa đó đến mời quan Lãnh Kiêu cưỡi. Lãnh Kiêu hết sức lo sợ vì chưa từng cưỡi ngựa bao giờ, mà từ chối thì mang tiếng là hèn nhát mất hết danh dự. Kiêu ngựa mặt lên trời khấn “Nếu số con còn sống thì xin Trời cho cưỡi được ngựa này, nếu số con đã hết thì ngựa này thay

thằng Tây giết con đây”. Khấn xong Kiều khảng khái vỗ yên nhảy lên ngựa. Con tuấn mã ngoan ngoãn đi đến đúng vách mốc cùng mấy chục tay đua Tây và Ta. Thống sứ và kị sĩ nhà nghề thấy vậy đã lấy làm lạ lắm.

Sau phát súng lệnh, đàn ngựa phi vọt lên. Riêng con của Lãnh Kiều chỉ phi nước kiệu. đến vòng thứ ba, nó chuyển lên nước đại. Hết vòng thứ bốn sang vòng thứ năm thì nó bốc lên như cơn gió lốc, vượt qua và bỏ lại đằng sau tất cả đàn. Lãnh Kiều về đích đầu tiên. Thế là từ chỗ cái chết cầm chắc trong tay, Lãnh Kiều trở thành kị sĩ số một Bắc Kỳ, thật không thể nào tưởng tượng nổi.

Lê Hoan biết rằng không thể chống lại mệnh Trời, mới nói riêng với Thống sứ: “Hoàng Văn Kiều có sao tử vì chiếu mệnh, sống tới trăm tuổi không giết được đâu”. Người Pháp tuy phong cho Kiều chức Lãnh binh là quan võ cao cấp, nhưng không giao cầm quân, mà cho thầu thu thuế huyện Cẩm Khê và mở sòng bạc làm giàu hưởng lạc, để quên đấu tranh. Lãnh Kiều xây nhiều nhà cửa ở Cát Trù. Ông ta thuê một người Tây đen, một người Tàu và một anh lính cũ thay phiên nhau canh cổng cả ngày lẫn đêm. Vì vậy, có kẻ hiếu sự đã làm đơn lên Công sứ Phú Thọ tố cáo là người ba nước phải phục dịch Lãnh Kiều.

Bề ngoài như vậy nhưng bên trong Đề Kiều vẫn nuôi mộng chống Pháp khôi phục phong trào Cần Vương. Ông ta tậu ruộng lập ấp ở Phúc Yên định liên lạc với Đề Thám, nhưng bị Pháp theo dõi đành phải thôi. Năm 1909 Đề Thám đóng quân ở núi Sáng- Lập Thạch- Vĩnh Yên, nửa đêm sang nhà Đề Kiều quyền

tiền, ông ta giúp 2 mâm bạc trắng, được khen là nghĩa khí.

Sau đó Đề Kiêu làm một số việc kém đức, gây ra 2 vụ án oan dẫn đến tổn thọ. Hồi ấy làng Đồng Lương bán 20 mẫu đất ven sông cho vạn Mỹ Hà cửa sông Bứa lên làm nhà ở. Ít lâu sau có tên trộm lấy được văn tự mua bán đất của Mỹ Hà đem về đưa cho hào lý Đồng Lương. Hào lý Đồng Lương tham lam lập kế bắt Mỹ Hà mua đất lần nữa, không thì đuổi đi. Cai vạn Mỹ Hà là ông Hoàng Văn Khải vốn giỏi giang, chơi thân với quan Tây Đại lý Đồn Vàng châu Thanh Sơn, thường đem biếu cá gáy to. ông ta tố cáo với quan Đại lý việc kỳ hào Đồng Lương lừa lọc, nhờ giúp đỡ. Viên đại lý liền hạ trát gọi 7 chức sắc làng Đồng Lương vào Đồn Vàng tổng giam. Sau đó, bắt viết lại văn tự bán đất cho vạn Mỹ Hà giao trả ông Khải, rồi mới cho về. Hào lý Đồng Lương bàn nhau trả thù. Họ xui ông Hoàng Bá Gia là chỗ họ hàng với Đề Kiêu, lên chơi mách rằng: “Cai Khải làm mật thám cho Tây”. Đề Kiêu không suy nghĩ gì, liền hạ lệnh cho làng Đồng Lương triệt hạ nhà Cai Khải. Thực hiện lệnh đó, hào lý Đồng Lương cho tuần phiên vây nhà ông Khải lúc nửa đêm, rồi thuê 2 tên cướp trên sông Bứa vào nhà chém chết 9 người, chỉ còn một người bơi qua sông Bứa sang Vệ Đô là sống sót.

Vụ thứ 2 là làm hại ông Đốc Lộc. Ông Đốc Lộc người làng Đồng Lương là tùy tướng của Đề Kiêu rất trung thành. Đã có lần Đề Kiêu bị quân Pháp vây, ông Đốc Lộc nhờ có sức khỏe phi thường đã công mẹ Đề Kiêu chạy thoát. Khi Đề Kiêu hàng Pháp, ông Đốc Lộc

về cây ruộng ở Vũ Sái, làm ăn khá giả. Ông Tống Văn là hào phú trong làng, thấy ông Đốc Lộc có vẻ giàu có thịnh vượng hơn mình thì sinh lòng tức tối. Ông ta lên chơi nhà Đề Kiều bịa đặt rằng: “Đốc Lộc thường ngày vẫn nhiech quan lớn là hàng Pháp bán nước cầu vinh”. Đề Kiều giận lắm, liền nói với Lê Hoan tuần phủ Hưng Hoá bắt tổng giam ông Đốc Lộc. Ông Lộc bị ốm chết trong ngục. ít lâu sau ông Tống Văn cũng chết. Thế rồi gia đình ông Đốc Lộc bỗng dưng xảy ra những chuyện bất thường, mới đi xem bói. Thầy bói nói: “Cụ Đốc nhà bị án oan, phải cúng giấy bút để cụ đi kiện”. Gia đình ông Đốc Lộc mua giấy bản, bút lông, mực Tàu về cúng, thì tự nhiên mọi việc lại yên lành. Tiếp đó bên nhà ông Tống Văn vợ con lẫn ra ốm đau khó chữa, cũng đi xem bói. hầy bói bảo: “Cụ Tống nhà phải đến cửa quan hầu kiện cần nhiều tiền để đút lót, nên phải cúng vàng tiền cho cụ”. Gia đình ông Tống Văn mua vàng thoi, vàng lá về cúng thì bệnh tình khỏi cả.

Cũng vì vụ giết oan 9 người nhà ông Cai Khả và vụ án oan ông Đốc Lộc, việc kiện cáo làm kinh động đến Thiên đình, mà ngôi sao chiếu mệnh Đề Kiều tắt. Sổ Nam Tào gạch tên ông sớm hơn nửa hội (30 năm). Ông mất năm ấy mới 70 tuổi.

Thống sứ Bắc Kỳ nhớ lời Lê Hoan rằng, Đề Kiều sống lâu trăm tuổi, cho là ông ta lập kế giả chết, để vào rừng tụ họp chống lại họ, mới lên Cát Trù vờ thăm tang. Y đòi mở nắp quan tài cho trông mặt theo phong tục của người Việt Nam, nhưng kỳ thực để xem xét cho đích xác. Thấy người nằm trong đó đúng là Đề Kiều, Y hết sức vui mừng. Viên quan Pháp cao cấp này lúc ấy

mới thật sự yên tâm, vì mạn Cẩm Khê bớt một mối lo. Ông ta truyền lệnh cho Công sứ Phú Thọ, thay mặt Nhà nước bảo hộ đem đội nhạc binh lên Cát Trù đưa tiễn Đề Kiêu về nơi an nghỉ cuối cùng một cách trọng thể nhất.

1997-2007

Khởi thảo tháng 5 -1990.

In 16 truyện tháng 1 - 1991.

Soạn xong 12 truyện và nhuận

sắc 16 truyện trước tháng 2 - 1996

In tiếp 2 truyện năm 2004, và 2 truyện năm 2008

Tổng cộng 32 truyện.

VKB

MỤC LỤC

PHẦN I

TRUYỀN THUYẾT HÙNG VƯƠNG

1. Họ Hồng Bàng
2. Dạy dân cấy lúa
3. Tiên nữ về trời
4. Chim Bạch trĩ
5. Nữ thần núi Tam Đảo
6. Thánh Gióng
7. Bánh dày , bánh chưng
8. Trầu cau
9. Củ khoai lang
10. Dạy dân săn lưới
11. Bắt trâu kéo cày
12. Dưa chua mật mía
13. Ba ngọn núi thiêng
14. Lý văn lang
15. Tiên Dung công chúa
16. Tản Viên sơn thánh
17. Hồng Nương công chúa
18. Cao Sơn đại vương
19. Năm anh em lột rắn
20. Trầu nước
21. Cột đá thề
22. Ba ông đồ sĩ
23. Dưa hấu

PHẦN 2

TRUYỀN THUYẾT CÁC THỜI ĐẠI SAU

- 24. Thần núi Long Động
- 25. Áp Lang đại vương
- 26. Cây ngô đồng
- 27. Thơ thần
- 28. Thần núi thiết sơn
- 29. Bảy anh em họ Lỗ
- 30. Ma y thần kiếm
- 31. Thần đồng
- 32. Ngôi sao chiếu mệnh Đề Kiêu

Tác giả sẵn sàng liên kết với tất cả các Nhà xuất bản hoặc
Phát hành sách, trong và ngoài nước.
Để xuất bản và tiêu thụ cuốn truyện này, cũng như các tác
phẩm giới thiệu tại bìa 4.

Độ lớn của các sách ngoài bìa 4 từ 60 trang đến 700 trang

**TRUYỀN THUYẾT HÙNG VƯƠNG
THẦN THOẠI VÙNG ĐẤT TỔ**
(Vũ Kim Biên sưu tầm và biên soạn)

CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN

Đào Đăng Hoàn

BIÊN TẬP

Trần Thị Hải

TRÌNH BÀY

Phú Mỹ

BÌA

Nguyễn Anh Thập

SỬA BẢN IN

Thái Dương

In 3050 cuốn, khổ 13 x19cm tại Công Ty TNHH in Khuyến học.
Giấy phép xuất bản số 102/VHTT-GPXB do Sở VHTT cấp ngày
18/12/2007
In xong và nộp lưu chiểu Quý I-2008



SƠ ĐỒ KHU DI TÍCH ĐỀN HÙNG

NHỮNG TÁC PHẨM CHÍNH CỦA TÁC GIẢ VŨ KIM BIÊN

I - Luận văn khoa học

- Chế độ chính trị thời Hùng Vương
 - Quan hệ Hùng - Thục
 - Thừa tướng Lữ Gia
 - Vấn đề Cấm Khê
 - Thảo luận với ông Đinh Văn Nhật về căn cứ Cấm Khê
 - Vị trí hồ Diên Triệt và động Khuất Lão
 - Ai là tác giả câu đối "Đằng giang tự cổ huyết do hồng"
 - Phong trào Quang Phục Hội
 - Nguồn gốc bài thơ cổ Nam Quốc Sơn Hà
 - Căn cứ núi Săng
 - Khu luyện sắt cổ
 - Thanh Văn Đạo Tú
 - Gốm Kê Nổi
 - Bàn về nhân vật lịch sử Nguyễn Duy Thì
 - Chiến thắng Sông Lô 1947
 - Đồng Lũ
- ### II - Lý luận phê bình văn học
- Bút Tre - Tác phẩm và dư luận
- ### III - Sách lịch sử
- Khu di tích lịch sử Đền Hùng

- Lịch sử Vĩnh Phú (viết chung với Lê Tượng)
- Địa chí xã Đồng Lương
- Lịch sử địa phương Vĩnh Phú (sách giáo khoa)
- Lịch sử công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp Vĩnh Phú
- Văn hiến làng xã vùng Đất Tổ Hùng Vương
- Tôn giáo - Tín ngưỡng - Lễ hội (giáo trình giảng dạy)
- Lịch sử xã Văn Phú

IV - Sách truyện

- Truyền thuyết Hùng Vương thần thoại vùng Đất Tổ
 - Vua Hùng thứ 7
 - Cột đá thể
 - Trưng Nữ Vương
 - Triệu Việt Vương
 - Bảng nhãn Trần Tuy
 - Trận núi Săng
 - Bát Nàn đại tướng quân
- ### V - Tiểu thuyết dã sử
- Hai người con của Phật
 - Long Động Sơn (đang in)